

Sanh của Doan aocet dungs
Ha Mon của Doan bieth dungs

ĐỊA LÝ

LỚP BỐN

(In lại lần thứ 14)

Bài Thi Hường lớn 4c
Hà Bì

vũ lãn đay 1963

1977



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC — 1977

81, Trần Hưng Đạo — Hà nội

CHƯƠNG I

TRÁI ĐẤT

BÀI SỐ 1

TRÁI ĐẤT HÌNH CẦU — NGÀY VÀ ĐÊM

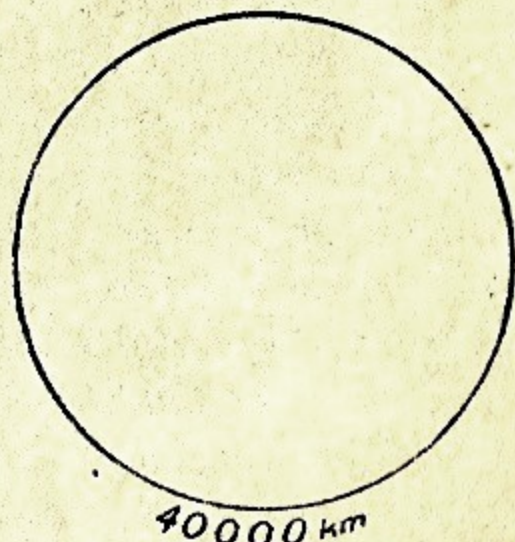
Cách đây trên bốn trăm năm, có một người tên là Ma-gien-lăng (1) đã dẫn đầu một đoàn thủy thủ đi vòng quanh Trái đất. Đoàn của ông từ một cửa biển nước Tây ban nha cứ nhắm hướng tây đi mãi. Sau ba năm vất lộn với sóng gió, đoàn đã trở về được đúng nơi đã ra đi. Điều đó chứng tỏ là Trái đất hình cầu.

Ta ở trên mặt đất nên không nhìn thấy được hình cầu của Trái đất. Nhưng khi có nguyệt thực (2) ta thấy bóng Trái đất in lên Mặt trăng. Gần đây các nhà du hành vũ trụ Liên xô đã từ trên con tàu vũ trụ chụp ảnh được bề mặt khum khum của Trái đất.

Người ta không những biết được Trái đất là một khối cầu mà còn biết được nó to như thế nào. Trái đất to lắm. Chu vi của nó là bốn vạn ki-lô-mét. Muốn đi một vòng quanh Trái đất bằng ô-tô, mỗi giờ đi được 60 km, đi suốt ngày đêm, phải mất gần một tháng. Đi bằng máy bay mỗi giờ được 800 km cũng phải mất hai ngày.

14.17.15

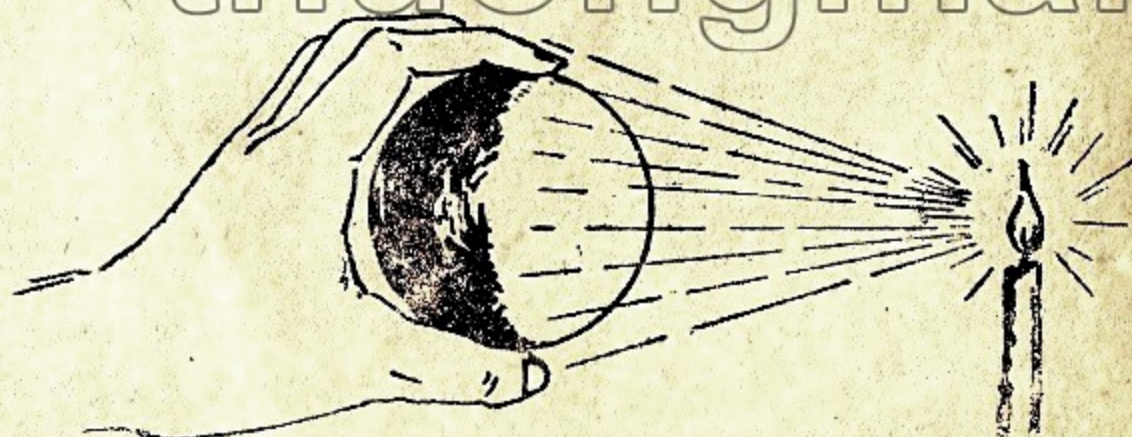
Sống trên Trái đất, ta thấy có ngày và đêm. Đó là do Trái đất được Mặt trời chiếu sáng như một ngọn đèn chiếu sáng cho một quả bóng nhỏ vậy. Trái đất hình cầu nên cùng một lúc mặt trời chỉ chiếu sáng được một nửa, bên nửa này là ngày, còn nửa kia bị tối, đó là đêm.



Chu vi Trái đất

Nói chung, ở một nơi nào trên mặt đất, ngày đêm cũng nối tiếp nhau không ngừng. Hết ngày lại đến đêm, rồi hết đêm lại đến ngày. Đó là do

Trái đất không đứng yên mà lại quay xung quanh trục



Trái đất được mặt trời chiếu sáng giống như ngọn đèn chiếu sáng cho một quả bóng

của nó. Bất cứ nơi nào trên Trái đất cũng lần lượt được Mặt trời chiếu sáng rồi lại lần lượt vào bóng tối.

Trái đất quay một vòng hết 24 giờ, tức là một ngày đêm.

Chú thích :

(1) Ma-gien-lăng: người nước Bồ đào nha. Năm 1519 ông dẫn đầu năm chiếc thuyền và 265 người từ Tây ban nha theo đường biển cứ hướng tây đi mãi. Sau ba năm, đến năm 1522, đoàn của ông về được đến Tây ban nha, chỉ còn một chiếc thuyền và 18 người.

(2) Nguyệt thực: hiện tượng Mặt trăng bị bóng Trái đất che tối.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Em hãy theo dõi đường đi của Ma-gien-lăng trên quả địa cầu. Tại sao cứ theo hướng tây đi mãi, ông lại trở về được chỗ cũ?

2. Chu vi Trái đất là bao nhiêu? Từ Hà nội đến Hải phòng là 100km, hỏi đi bao nhiêu lần đoạn đường ấy thì bằng đi được một vòng theo chu vi của Trái đất?

3. Tại sao có ngày và đêm?

4. Tại sao ngày, đêm lại nối tiếp nhau không ngừng? Thời gian một ngày, đêm là bao nhiêu giờ?

5. Dùng một ngọn đèn và một quả bóng nhỏ để hình dung hiện tượng ngày đêm và hiện tượng ngày đêm nối tiếp nhau.

BÀI ĐỌC THÊM

« NHƯNG DÙ SAO TRÁI ĐẤT VẪN QUAY »

Cách đây trên ba trăm năm mươi năm, ở nước Ý có một nhà khoa học tên là Bơ ruy-nô,

Thuở nhỏ, ông học trong trường với các cha cố. Ông rất thông minh, lại ham mê tìm hiểu khoa học. Thuở ấy, nhà thờ và các cha cố dạy cho ông rằng Trái đất đứng yên. Nhưng một hôm ông đọc trộm một quyển sách cấm, thấy trong sách nói Trái đất không đứng yên mà Trái đất quay. Quyển sách nói rất hay, có lý lẽ, có tính toán. Ông rất thích. Ông thấy

minh bấy lâu nay bị các cha cố dạy cho nhiều điều không đúng. Ông bỏ trường ra đi và trốn ra nước ngoài. Nhà thờ cảm tức ông lắm nhưng không làm gì được. Còn ông thì ở nước ngoài, lúc nào ông cũng truyền bá thuyết « Trái đất quay ».

Sau hơn hai mươi năm xa tổ quốc, ông rất nhớ quê hương. Ông bèn trở về, đến nước Ý thì bị bắt ngay. Nhà thờ tra tấn ông, bắt ông không được tin Trái đất quay. Ông không chịu. Ông bị hành hạ, bị giam vào hầm tối. Nhưng ông vẫn không chịu khuất phục. Nhà thờ đem thiêu chết ông chỉ vì ông đã tin vào khoa học.

Ông Bơ-ruy-nô chết. Nhưng ở nước Ý, ít lâu sau lại có một nhà khoa học khác tên là Ga-li-lê cũng rất tin thuyết « Trái đất quay ». Không những thế, ông còn chế ra được kính thiên văn nhìn rõ được trăng, sao trên trời. Nhà thờ lại bắt ông, dọa xử tử ông.

Nhà thờ bắt ông phải thề từ bỏ ý kiến cho rằng Trái đất quay. Bị cưỡng bức, ông thề. Nhưng vừa thề xong ông lại nói ngay: « Nhưng dù sao Trái đất vẫn quay ». Nhà thờ không dám giết ông vì ông có danh tiếng lớn.

Ông bị nhà thờ tra tấn đủ mọi cực hình và giam cầm cho đến khi chết.

Bơ-ruy-nô cũng như Ga-li-lê đều đã dùng cảm đấu tranh cho lẽ phải. Các ông chết nhưng khoa học đã thắng. Trái đất vẫn quay.

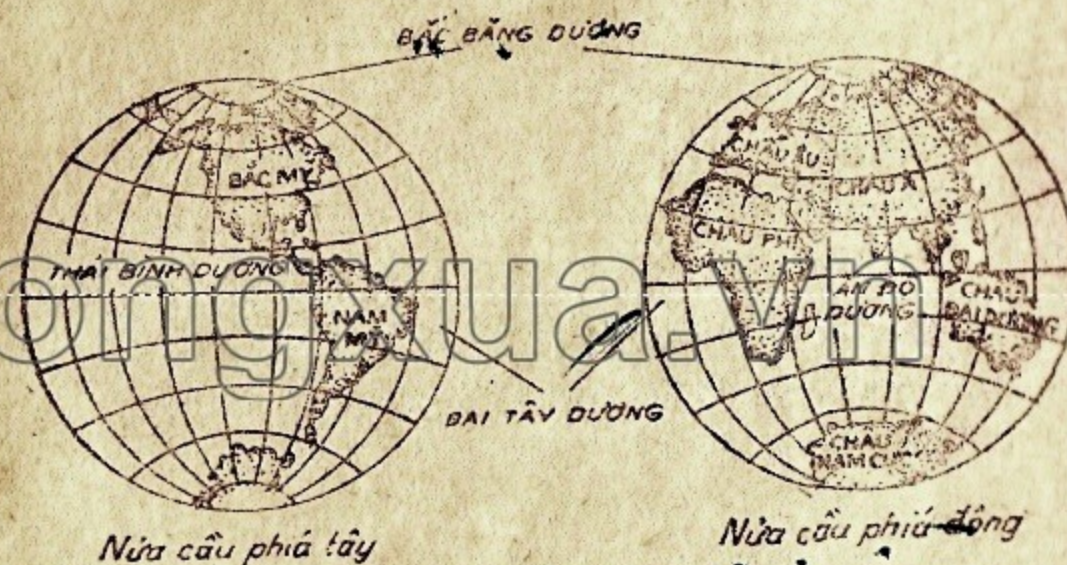
BÀI SỐ 2

SỰ PHÂN BỐ ĐẤT VÀ NƯỚC TRÊN MẶT TRÁI ĐẤT

Bề mặt Trái đất rộng năm trăm mười triệu ki-lô-mét vuông. Trên bề mặt đó chỗ này là đất, chỗ kia là nước. Nước chiếm bảy phần còn đất chiếm ba phần.

Đất nhô lên trên mặt nước thành từng khối lớn nhỏ khác nhau, có hình thù khác nhau. Những khối đất nổi

lớn gọi là lục địa. Những bộ phận đất nổi nhỏ gọi là đảo. Người ta chia các lục địa cùng với các đảo ra thành những bộ phận lớn của thế giới gọi là châu. Có sáu châu, xếp theo diện tích từ lớn đến nhỏ là: Châu Á, châu Mỹ, châu Phi, châu Nam cực, châu Âu và châu Đại dương. Nước Việt nam ta ở châu Á. Châu Á và châu Âu nằm trên cùng một lục địa gọi là lục địa Á — Âu. Châu Mỹ lại gồm hai lục địa: Bắc Mỹ và Nam Mỹ. Trong các châu, có châu Nam cực đến nay vẫn chưa có người ở.



Phân bố đất và nước trên mặt Trái đất

Bề mặt các lục địa không bằng phẳng như nhau mà có chỗ cao, chỗ thấp. Châu Á là nơi cao nhất của mặt đất. Ở đây có đỉnh núi Chô-mô-lung-ma ⁽¹⁾ cao đến 8882m, cao nhất thế giới.

Những khoảng nước rộng mênh mông trên trái đất gọi là đại dương. Có bốn đại dương: rộng nhất là Thái bình dương, sau đến Đại tây dương, Ấn độ dương và bé nhất là Bắc băng dương. Biển Đông của nước ta là một bộ phận của Thái bình dương.

Các đại dương rộng lớn và nông sâu khác nhau. Thái bình dương rộng nhất và cũng sâu nhất trong các đại dương. Chỗ sâu nhất của Thái bình dương đến trên 11 000m.

Chú thích:

(1) Đỉnh Chô-mô-lung-ma ở trong dãy núi Hi-ma-lay-a thuộc địa phận Trung quốc.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Diện tích Trái đất là bao nhiêu? Nước chiếm mấy phần, đất chiếm mấy phần?
2. Lục địa là gì? Đảo là gì? Người ta chia các lục địa và các đảo thành mấy châu? những châu nào?
3. Đại dương là gì? Trên thế giới có những đại dương nào?
4. Chỉ trên bản đồ thế giới hay trên quả địa cầu: các châu và các đại dương.
5. Nước Việt nam ta nằm ở châu nào, bên cạnh đại dương nào?

BÀI ĐỌC THÊM

CHÂU THỨ SÁU: CHÂU NAM CỰC

Châu Nam cực mới được coi là lục địa cách đây độ trên một trăm năm. Thuở trước người ta cho rằng ở đây chỉ là một biển băng suốt năm không tan, như Bắc băng dương vậy. Nhiều đoàn thám hiểm đã dũng cảm lặn lội nghiên cứu. Họ đã tìm ra rằng Nam cực là một lục địa vùi sâu dưới băng tuyết.

Châu Nam cực rộng gần gấp rưỡi châu Âu. Cả một khối lục địa mênh mông ấy bị băng tuyết trắng xóa phủ kín. Có chỗ băng

tuyết dày đến bốn nghìn mét. Người ta tính nếu cả khối băng tuyết của châu Nam cực tan ra thì mực nước các đại dương sẽ dâng lên cao từ 50 đến 75m.

Nam cực là nơi lạnh nhất trên địa cầu. Nhiệt độ gần 90°C dưới 0°C. Vì thế châu Nam cực chỉ bao la tro trụi một màu tuyết trắng. Chẳng có lấy một gốc cây, bụi cỏ. Thế nhưng có một điều lạ là người ta lại tìm thấy một vùng nhỏ ở châu Nam cực «ấm hơn» các nơi khác. Người ta gọi đó là ốc đảo Bun-gia. Ở đây không đến nỗi rét lắm. Có hồ nước, có rong rêu, tôm cá. Trên mặt đất lác đác có những đám cỏ sặc sỡ.

Dưới tầng đất sâu của châu Nam cực, người ta thấy có nhiều loại khoáng sản như than đá, vàng, kim cương, dầu lửa...

Châu Nam cực khác hẳn với các châu khác là cho đến nay còn chưa có người ở. Những người «dân» của châu Nam cực đông nhất là giống chim cánh cụt. Giống chim này sống thành đàn hàng nghìn vạn con. Chúng đứng thẳng trên hai chân, hai cánh cụp lại như hai tay cụt. Chúng «nói chuyện» ồn ào như họp chợ. Chúng không biết sợ người, thường quây quần xung quanh những người thám hiểm, kêu ồn ào như trò chuyện với người quen thuộc.

Khoa học ngày một tiến bộ. Chúng ta sẽ hiểu thêm nhiều về châu Nam cực.

BÀI SỐ 3

BẢN ĐỒ

Khi người ta vẽ hình một khoảng của bề mặt Trái đất lên trên một tờ giấy, ta có một bản đồ. Người ta có thể vẽ bản đồ một xã, một huyện, một tỉnh, một nước, một châu hay vẽ bản đồ cả thế giới.

Trên bản đồ địa lý tự nhiên ta thấy có nhiều màu sắc chỉ độ nông sâu và cao thấp khác nhau. Màu xanh lơ thường dùng để chỉ biển, màu xanh lá mạ chỉ đồng bằng. Màu vàng, màu nâu hoặc màu gạch thường chỉ núi và cao nguyên.

Trên bản đồ còn có nhiều đường xanh chỉ các sông ngòi, đường đỏ hoặc đen chỉ các đường giao thông, v.v... Muốn biết rõ các màu sắc và đường nét trên bản đồ, ta cần xem bảng chỉ dẫn ở góc bản đồ.

Trên bản đồ, thường phía trên là hướng bắc, dưới là hướng nam, bên tay phải ta là hướng đông, bên tay trái là hướng tây.

Trên bản đồ thường phải vẽ một khoảng mặt đất rất rộng nhưng khuôn khổ tờ giấy chỉ có hạn. Vì vậy người ta phải tìm cách thu nhỏ lại kích thước của khoảng đất. Ví dụ muốn vẽ một đoạn đường dài 12km vào một tờ giấy thường, ta phải thu nhỏ lại 10 vạn lần tức là 1km chỉ còn bằng 1cm. Như thế ta chỉ cần vẽ vào giấy một đoạn đường dài 12cm. Có thể thu nhỏ một trăm lần, một nghìn lần, một triệu lần cũng được. Cách thu nhỏ như vậy để vẽ bản đồ gọi là vẽ theo tỷ lệ⁽¹⁾.

Nhìn vào bản đồ ta có thể thấy được hình dáng, diện tích, vị trí của một miền nào đó. Ta lại có thể biết đâu là biển, đâu là núi non, sông ngòi, đâu có tài nguyên, sản vật gì, có thành phố nào, v.v...

Bản đồ rất cần cho việc học tập và nghiên cứu địa lý, cho giao thông vận tải, cho sản xuất và chiến đấu.

Chú thích :

(1) *Thuộc tỷ lệ*: Trong bản đồ có khi người ta dùng con số để chỉ thuộc tỷ lệ, ví dụ trên bản đồ Việt nam có ghi 1 : 1500 000 như thế có nghĩa là 1cm trên bản đồ bằng 15km trên

thực địa. Có khi người ta kẻ một đường thẳng chia ra nhiều khoảng bằng nhau, cuối mỗi khoảng có ghi số ki-lô-mét đo được trên thực địa.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Trên bản đồ Việt nam treo ở lớp, em hãy chỉ xem chỗ nào là biển, chỗ nào là đồng bằng, chỗ nào là núi?

2. Em hãy chỉ các phương hướng trên bản đồ.

3. Khi vẽ một đoạn đường 8km vào giấy thành một đường 8cm, ta đã thu nhỏ đoạn đường ấy bao nhiêu lần?

4. Tại sao ta phải thu nhỏ kích thước khoảng mặt đất mà ta muốn vẽ thành bản đồ? Cách thu nhỏ như vậy gọi là gì?

5. Nhìn vào một bản đồ ta có thể biết được những gì?

6. Hãy nói rõ lợi ích to lớn của bản đồ trong đời sống hằng ngày.

Thủ ngày 16 năm 1982
tập ở trường

Thường như là mặt trời
chờ em

Chú ý ngày 21 tháng 4
năm 1982 - tập 2
Lh

CHƯƠNG II

ĐỊA LÝ VIỆT NAM

BÀI SỐ 1

VỊ TRÍ – GIỚI HẠN – HÌNH DÁNG – DIỆN TÍCH

Nước Việt nam ta nằm ở rìa phía đông bán đảo Trung – Ấn⁽¹⁾ thuộc miền Đông nam châu Á.

Về phía bắc, nước ta tiếp giáp với nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa. Về phía tây, nước ta giáp hai nước Lào và Cam-pu-chia. Phía đông và nam nước ta là biển Đông. Nước ta vừa gắn vào lục địa châu Á, lại vừa thông rộng với đại dương vì thế việc giao thông giữa nước ta với các nước khác ở châu Á và trên thế giới rất thuận tiện: vừa có thể liên lạc bằng đường bộ, lại vừa có thể liên lạc bằng đường biển. Nước ta nằm sát Trung quốc là một nước xã hội chủ nghĩa lớn và qua Trung quốc, nước ta có thể liên lạc dễ dàng với các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa.

Nước ta có hình dáng kéo dài và hơi cong như hình chữ S. Hai đầu Bắc và Nam phình ra, đoạn giữa thu hẹp lại. Tính thẳng từ Bắc vào Nam, nước ta dài 1650km. Bề ngang chỗ rộng nhất là 600km (ở Bắc bộ). Chỗ hẹp nhất chỉ độ 50km (ở Quảng bình). Do hình



dáng kéo dài, lại nằm sát biển nên nước ta không có nơi nào xa biển quá.

Diện tích nước ta là $329\,600\text{km}^2$, không nhỏ quá cũng không lớn quá. Ngoài phần đất liền, nước ta còn có nhiều đảo ở ven biển như các đảo Cát bà, Bạch long vĩ, Cồn cỏ, Phú quốc, Côn lôn, (Côn sơn) v.v...

Nước ta có đất liền, có đảo, có biển không những làm cho cảnh đất nước tươi đẹp, nhiều vẻ mà cũng là điều kiện thuận lợi để nước ta có thể phát triển một nền kinh tế nhiều mặt.

Chú thích:

(1) *Bán đảo Trung — Ấn*: miền đất nằm ở Đông nam châu Á, giữa hai nước Trung quốc và Ấn độ, gồm Việt nam, Lào, Cam-pu-chia, Thái lan, Miến điện, Ma-lai-xi-a.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

- 1. Chỉ vị trí nước ta trên bản đồ châu Á và nói nước ta nằm về phía nào của châu Á. +
- 2. Nước ta tiếp giáp với những nước nào? Chỉ trên bản đồ các nước láng giềng của ta. +
- 3. Vị trí của nước ta có gì đặc biệt và có thuận lợi gì về mặt giao thông liên lạc với các nước khác? +
- 4. Hình dáng nước ta như thế nào? Chỉ chỗ nào rộng nhất, chỗ nào hẹp nhất. Chỉ trên bản đồ các đảo: Cát bà, Bạch long vĩ, Cồn cỏ, Phú quốc, Côn lôn. +

BÀI ĐỌC THÊM

BẮC NAM NHƯ CỘI VỚI CẢNH

Nước Việt nam ta liền một dải từ Hữu nghị quan đến mũi Cà mau. Bờ biển chạy suốt từ Móng cái đến Hà tiên, núi, sông đồng ruộng, cỏ cây trên đất nước ta đều là của chung của nhân dân cả nước ta, miền Bắc cũng như miền Nam.

Trên dải đất Việt nam, nhân dân ta từ lâu đời đã xây dựng nên một nước Việt nam thống nhất. Đường bộ, đường sắt, đường thủy, từ lâu đời nổi liền Bắc — Nam. Lúa gạo, cao su, đường, dừa, măng cụt, sầu riêng⁽¹⁾, v.v... của miền Nam được đưa ra Bắc. Miền Bắc lại chở than, xi măng, vải lụa, hoa quả vào Nam. Nhân dân được dùng các thứ hàng hóa, các của ngon vật lạ của cả hai miền.

Dân tộc Việt nam ta từ bao đời nay đã chung sức lao động để xây dựng đất nước. Người miền Bắc cũng như người miền Nam đều nói một thứ tiếng, đều dùng chung một thứ chữ viết. Phong tục ở Bắc và Nam cũng chẳng có gì khác nhau. Người miền Bắc thường có bà con, cô, bác trong Nam; người miền Nam thường có họ hàng ngoài Bắc. Trong công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, làm cách mạng để giải phóng dân tộc, nhân dân cả nước đều sát cánh cùng nhau chiến đấu, lập nên những trang sử vẻ vang cho cả dân tộc.

BÀI SỐ 2

NÚI VÀ CAO NGUYÊN

Nước ta có nhiều núi và cao nguyên.

Núi và cao nguyên chiếm ba phần tư diện tích cả nước, phần lớn ở Bắc bộ và Trung bộ.

Bắc bộ có nhiều núi về phía bắc và tây bắc. Ở phía bắc có *miền núi vòng cung*, từ Tam đảo các dãy núi xòe ra như nan quạt. Có bốn vòng cung lớn là vòng cung Sông Gâm, vòng cung Ngân sơn, vòng cung Eắc sơn và vòng cung Đông triều. Phía bắc miền núi này, giáp biên giới Việt — Trung có nhiều *cao nguyên đá vôi* như cao nguyên Bắc Hà (Lào cai), cao nguyên Hà giang, cao nguyên Cao bằng. Các miền núi và cao nguyên này địa

(1) Măng cụt, sầu riêng là những thứ quả ngon ở miền Nam.

thể hiểm trở nhưng khí hậu mát lạnh. Trên núi cao, cây to mọc thành rừng, dưới thung lũng là những ruộng lúa, nương ngô xanh tốt. Ở Tây bắc có dãy *Hoàng liên sơn* là một dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta, nằm giữa sông Hồng và sông Đà. Trong dãy này có đỉnh *Phan xi păng* cao nhất nước ta (3142m). Phía nam sông Đà có những cao nguyên lớn như cao nguyên Sơn la, cao nguyên Mộc châu, có đất tốt để trồng trọt và có đồng cỏ rộng để phát triển chăn nuôi.

Trung bộ có dãy *Trường sơn* chạy giữa biên giới nước ta và nước Lào từ Bắc xuống Nam. Dãy này có nhiều nhánh chạy ngang ra đến bờ biển như *Hoành sơn*, *Hải vân*. Vào đến phía nam, núi chạy dọc sát ven biển. Ở phía nam Trung bộ có miền cao nguyên đất đỏ rất rộng lớn gọi chung là *Tây nguyên*. Có nhiều cao nguyên: *Công tum*, *Plây cu*, *Đắc lắc*, *Lâm viên* và *Di linh*. Đây là miền đất rất tốt, thích hợp để trồng những loại cây có giá trị như cà phê, chè, cao su, lại có nhiều đồng cỏ tốt để chăn nuôi.

Miền núi và cao nguyên nước ta tuy địa thế hiểm trở⁽¹⁾ đi lại khó khăn nhưng rất giàu lâm sản⁽²⁾ và khoáng sản đồng thời còn là căn cứ địa vững chắc của cách mạng.

Chú thích:

(1) *Hiểm trở*: không bằng phẳng, đi lại khó khăn.

(2) *Lâm sản*: những sản vật ở rừng.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Chỉ trên bản đồ Việt nam những miền có núi và cao nguyên. Núi và cao nguyên có nhiều nhất ở các miền nào?

2. Kê và chỉ trên bản đồ những núi và cao nguyên ở phía bắc Bắc bộ.

3. Kê và chỉ trên bản đồ những núi và cao nguyên ở phía tây bắc Bắc bộ.

4. Trung bộ có dãy núi gì? Chỉ trên bản đồ.

5. Kê và chỉ trên bản đồ các cao nguyên ở Tây nguyên. Những cao nguyên này có giá trị gì về kinh tế?

BÀI ĐỌC THÊM

TÂY NGUYÊN

Tây nguyên, quê hương của đồng bào Ê đê, Gia rai, So đăng, Ba na... đẹp lắm. Có những khu rừng già rậm rạp, có những cánh rừng thưa râm mát, có những đồng cỏ xanh tươi, có suối tuôn róc rách. Rừng Tây nguyên là xứ sở của nhiều giống thú quý: cọp, voi, trâu rừng, tê giác, nai, hươu sao, hươu gấm, gấu đen... Tây nguyên lắm hoa ngàn, cỏ lạ nên cũng rất lắm ong rừng. Tổ ong treo lủng lẳng trên cành cây, chứa đầy mật vàng óng. Những ngày mùa xuân và mùa thu ở đây, trời mát dịu, hương rừng thoang thoảng đưa. Bầu trời trong đẹp lạ thường. Bên bờ suối, những khóm hoa nhón nhơ muôn sắc đua nở: trắng, vàng, hồng, tím...

Đồng bào Tây nguyên sau những ngày làm xong nương rẫy, thường đi săn bò rừng, săn voi, bẫy khỉ, bắt công, đốt ong lấy mật.

BÀI SỐ 3

ĐỒNG BẰNG

Đồng bằng nước ta chiếm một phần tư diện tích cả nước. Đồng bằng Bắc bộ và đồng bằng Nam bộ là hai đồng bằng lớn. Ngoài ra còn những đồng bằng nhỏ ở ven bờ biển Trung bộ.

Đồng bằng Bắc bộ hình tam giác, rộng 15 000 km². Đồng bằng này do phù sa sông Hồng và sông Thái bình bồi đắp nên. Hiện nay, hằng năm đồng bằng Bắc bộ mở rộng thêm ra biển chừng 100 m ở phía đông nam. Do sức lao động cần cù của nhân dân ta đắp đê chống lụt, đào mương, khơi ngòi tưới nước, bón phân nên đồng bằng Bắc bộ đã trở thành một vựa thóc quan trọng của nước ta.

Đồng bằng Nam bộ do phù sa sông Mê công tạo thành có diện tích trên 31 000 km², rộng gấp đôi đồng bằng Bắc bộ. Phù sa bồi không đều nên ở đây còn những vùng trũng lầy, như Đồng Tháp Mười. Ở đồng bằng Nam bộ không cần đắp đê chống lụt vì nước sông Mê công lên xuống điều hòa. Đồng bằng Nam bộ có nhiều kênh rạch dẫn nước và tháo nước dễ trồng trọt. Những kênh này giúp cho sự đi lại bằng đường thủy rất thuận tiện. Hằng năm, mũi Cà ~~man~~ và bờ biển phía tây được mở rộng thêm khoảng 80 m. Đồng bằng Nam bộ là vựa thóc lớn nhất nước ta.

Ở Trung bộ, dãy Trường sơn chạy gần bờ biển nên sông ngắn, phù sa ít. Vì vậy các đồng bằng ở Trung bộ phần nhiều hẹp, chỉ có đồng bằng Thanh - Nghệ.⁽¹⁾ tương đối rộng. Tổng số diện tích các đồng bằng Trung bộ rộng bằng đồng bằng Bắc bộ.

Đồng bằng nước ta là những miền sản xuất lúa rất tốt, là nơi tập trung dân cư đông đúc.

Chú thích:

(1) Thanh - Nghệ: Thanh hóa và Nghệ an.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Kê và chỉ trên bản đồ những đồng bằng chính của nước ta.

2. Đồng bằng Bắc bộ và Nam bộ được bồi đắp nên như thế nào?

3. Đồng bằng Nam bộ có những điểm gì khác đồng bằng Bắc bộ?

4. Tại sao đồng bằng Trung bộ lại hẹp? Trong các đồng bằng này, nơi nào rộng nhất?

BÀI ĐỌC THÊM

ĐỒNG THÁP MƯỜI

Đồng Tháp Mười là một miền đồng lầy mênh mông của đồng bằng Nam bộ, nằm sát biên giới Việt nam - Cam-pu-chia. Chiều dài đến hơn một trăm ki-lô-mét, chiều ngang cũng đến ba bốn chục ki-lô-mét. Giữa đồng lầy bao la đó có một khoảng đất cao nổi lên, trên đó có một tòa tháp cổ mười tầng. Do đó có tên là Đồng Tháp Mười.

Mùa nước lên, cả đồng ngập nước trắng xóa như biển cả nhưng cũng có những chỗ đất cao, nhiều nơi tháo nước được nên khô ráo. Trên những chỗ đất cao, khô ráo đó, nhân dân ta làm nhà cửa, trồng cây cối: nào đu đủ, nào chuối, nào măng cầu. Trong đồng nước mênh mông, cối, lác mọc ngút ngàn. Nhiều nơi lại có giống rau muống thiên nhiên mọc từng mảng xanh um trên mặt nước. Lại có giống lúa gọi là lúa trời, không ai gieo mà vẫn mọc tự nhiên. Gạo lúa trời ăn dẻo như gạo nếp. Nhưng đẹp nhất Đồng Tháp Mười là những vùng có hoa sen, hoa súng. Đến mùa hoa nở, mặt nước như gấm thêu, hương thơm đưa ngào ngạt. Vì thế có câu ca dao:

Tháp Mười đẹp nhất hoa sen,
Việt nam đẹp nhất có tên Cù Hồ.

BIÊN VÀ BỜ BIÊN

Biển Đông là một biển của Thái bình dương, bọc lấy phía đông và phía nam nước ta. Biển không sâu lắm, có nhiều cá và hải sản ⁽¹⁾ quý như hải sâm ⁽²⁾, trai, ngọc, sò huyết, tôm hùm. Biển giúp cho khi hậu nước ta được điều hòa. Biển Đông là đường giao thông thuận tiện cho tàu bè đi lại, nối liền Bắc Nam và nối nước ta với nhiều nước khác ở châu Á và trên thế giới.

Bờ biển nước ta dài 3000 km, uốn cong hình chữ S chạy suốt Bắc Nam, từ Móng cái đến Hà tiên, và có thể chia làm bốn đoạn:

1. Từ *Móng cái* đến *Đồ sơn*, bờ biển khúc khuỷu vì có nhiều núi đá chạy sát biển. Ở đoạn này có vũng *Hạ long* là một thắng cảnh ⁽³⁾ nổi tiếng thế giới. Ven biển có nhiều đảo, các đảo lớn như *Cái Bầu*, *Cát Bà*... Đoạn này kìn gió nên đánh cá tốt.

2. Từ *Đồ sơn* đến *Qui nhơn*, bờ biển thấp và bằng phẳng. Ven biển thường có nhiều bãi cát và nhiều bãi biển nên là nơi nghỉ mát rất tốt như *Đồ Sơn*, *Sầm Sơn*, *Cửa Tùng*. Đoạn này có nhiều đồng muối lớn như *Văn lý* (Nam hà), *Diêm phổ* (Thanh hóa).

3. Từ *Qui nhơn* đến *Mũi Dinh*, bờ biển cao và khúc khuỷu vì có nhiều núi chạy sát biển. Đoạn này có vũng *Cam ranh* là một cửa biển thiên nhiên rất tốt. Ở ven biển, nghề đánh cá rất phát triển.

4. Từ *Mũi Dinh* đến *Hà tiên*, bờ biển thấp và có nhiều cửa sông. Ngoài khơi có những đảo lớn như *Côn lôn*, *Phú quốc*. Ở *Phú quốc* có nhiều đồi mồi và nổi tiếng về nghề làm nước mắm.

Biển Đông không những là đường giao thông tốt mà còn là một kho của cải vô tận và quý giá của Tổ quốc ta.

Chú thích :

- (1) *Hải sản* : các sản vật ở biển.
- (2) *Hải sâm* : một loại địa sống ở biển, ăn rất ngon.
- (3) *Thắng cảnh* : nơi phong cảnh đẹp.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. *Biển Đông* quan trọng như thế nào đối với nước ta?
2. *Bờ biển* nước ta dài bao nhiêu ki-lô-mét? chạy từ đâu tới đâu? Chỉ trên bản đồ.
3. Nói rõ đặc điểm và giá trị kinh tế của từng đoạn bờ biển nước ta.

BÀI ĐỌC THÊM

CẢNH ĐẸP HẠ LONG

Thật là hiếm có một nơi núi non, trời biển lại hòa hợp với nhau thành cảnh đẹp tuyệt vời như ở vũng *Hạ long* này.

Đứng trên bờ biển của khu mỏ than *Hồng gài* giàu có nhìn ra, ta thấy như có một bức thành đá hùng vĩ, nhấp nhô, kéo dài trên mặt biển.

Thực ra đó chỉ là những hòn đảo nhiều không biết bao nhiêu mà kể, như chen nhau mọc lên từ đáy biển. Những hòn đảo này cái to, cái nhỏ có muôn nghìn hình dáng kỳ lạ. Đó là những khối núi đá vôi màu tím thẫm nhô lên trên mặt nước trong xanh.

Ra thăm *Hạ long*, trước hết ta hãy ghé vào hang *Đầu gối*. Hang ăn sâu vào đảo, có những ngõ ngách quanh co, có những

khối vù đá lóng lánh. Tục truyền, xưa kia trong hang này, các tướng sĩ nhà Trần đã giấu những cọc gỗ lim dùng trong trận Bạch đằng chống quân Nguyên.

Ta tới thăm hang Luồn ở một hòn đảo khác. Ở đây hòn đảo như bị đục thủng xuyên qua thành một đường hầm sát mặt nước. Thuyền có thể chui từ bên này qua bên kia.



Cảnh đẹp Hạ long

Nhưng rồi ta cũng không còn nhớ hết được tên các đảo nữa, vì đảo nhiều lắm. Có lúc ta thấy như thuyền bị lọt vào một vòng vây của núi non. Ta đang ngắm hòn đảo này giống như hình một cô con gái, thì ta lại phải để ý đến một hòn đảo khác giống như cái đầu gà. Mỗi đảo mỗi hình. Người ta đặt tên đảo theo hình dáng. Có hòn « Cái chuông », hòn « Con dê », hòn « Mũi kim », hòn « Phầm oản »... Vịnh Hạ long đã đẹp lại hùng. Ngày 5 tháng 8 năm 1964, đế quốc Mỹ đã đem máy bay đến bắn phá vùng Hạ long. Chúng đã bị quân và dân ta giáng cho những đòn đích đáng.

KHÍ HẬU

Nước ta nằm hoàn toàn ở miền nhiệt đới gió mùa. Khí hậu nói chung nóng, mưa nhiều và có gió mùa thổi. Miền Nam gần xích đạo⁽¹⁾ nên nóng tương đối đều quanh năm. Ở miền Bắc, nóng nhiều về mùa hạ và lạnh về mùa đông. Đặc biệt là ở Trung bộ, nhất là ở Quảng bình và Quảng trị, hàng năm, cứ về mùa hạ là có gió nóng từ phía tây Trường sơn thổi sang. Ở những miền núi cao, tiết trời mát mẻ quanh năm nên có thể làm nơi nghỉ mát rất tốt như Sa pa, Tam đảo, Đà Lạt, v.v...

Nước ta có gió mùa thổi. Từ tháng 5 đến tháng 10 dương lịch, có gió tây nam hoặc đông nam, đó là gió nồm. Gió này từ biển thổi vào nên mang đến nước ta nhiều hơi nước, gây nhiều mưa. Từ tháng 11 đến tháng 4 dương lịch, gió thổi từ phía bắc và đông bắc tới, đó là gió bắc. Gió này từ lục địa châu Á thổi xuống nên thường lạnh và khô.

Nước ta nói chung có mưa nhiều. Mùa hạ (mùa gió nồm) là mùa mưa nhiều. Phần nhiều là mưa rào, mưa rất to trong vài ba tiếng đồng hồ rồi tạnh. Mùa đông ít mưa. Ở miền Bắc thỉnh thoảng có mưa phùn.

Khí hậu nước ta nóng và mưa nhiều nên cây cối rất dễ phát triển. Cây cối quanh năm tốt tươi. Một năm có thể làm được hai ba vụ lúa và hoa màu. Sản xuất nông nghiệp của ta có điều kiện để phát triển mạnh. Tuy vậy, khí hậu nước ta cũng gây nên nhiều khó khăn như lụt, hạn, bão, v.v... làm thiệt hại cho nông nghiệp. Được Chính phủ hướng dẫn và giúp đỡ, nhân dân ta

đã khắc phục được nhiều khó khăn để chống bão, lụt, hạn, phát triển sản xuất nông nghiệp.

Chú thích:

(1) *Xích đạo*: đường tưởng tượng chạy vòng quanh trái đất, chia trái đất làm hai phần Bắc và Nam bằng nhau.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nước ta ở vào miền khí hậu gì? Khí hậu đó như thế nào?
2. Mưa ở nước ta thế nào? Mưa nhiều về mùa nào?
3. Khí hậu nước ta có thuận lợi và khó khăn gì cho sản xuất nông nghiệp?

BÀI ĐỌC THÊM

NƠI NGHỈ MÁT ĐÀ LẠT

Địa thế cao và thoáng, Đà Lạt quanh năm mát mẻ, ôn hòa. Ở đây cả năm như không có mùa hè. Đà Lạt ở độ cao 1500m so với mặt biển. Ngay giữa mùa hè, ở đồng bằng nóng nực như thiêu như đốt, thế mà ở đây vẫn mát như trời mùa thu. Trời mát, mưa nhiều, đất tốt nên cỏ cây rất tươi tốt. Ở đây có nhiều giống cây xứ lạnh mà nhiều nơi khác trong nước không trồng được. Nào lê, táo, nào su hào, bắp cải, nào hoa mầu đơn, thược dược, lay-ơn. Đặc biệt Đà Lạt có nhiều cây anh đào, đến mùa hoa nở đỏ ối cả một vùng. Cảnh đẹp thật như tranh.

Ở đây có những ngôi nhà xinh xắn, những khách sạn sang trọng. Chén giữa những ngôi nhà là những vườn hoa, vườn rau lúc nào cũng tươi thắm. Trong thành phố lại có hồ nước trong veo. Bên hồ những cây thông reo vi vu trong gió. Trên hồ, những chiếc thuyền thoi nhẹ lướt trên mặt nước. Thật là một cảnh thần tiên.

Trước kia thực dân Pháp đã bắt dân ta phải nộp thuế, đi phu để xây dựng Đà Lạt thành nơi nghỉ mát. Bao nhiêu đồng bào ta đã phải chết đói, chết bệnh, chết vì bị đánh đập trong khi xây dựng. Vì thế mới có câu:

Ngó lên Đà Lạt nguy nga,

Đường chôn xương trắng, phố pha máu hồng.

Ngày nay, Đà Lạt đã trở về tay nhân dân ta và trở thành một trong bốn thành phố trực thuộc Trung ương.

BÀI SỐ 6

SÔNG NGÒI

Nước ta có nhiều sông vì mưa nhiều. Có hai hệ thống chính: hệ thống sông Hồng và sông Thái bình ở Bắc bộ, hệ thống sông Mê công và sông Đồng nai ở Nam bộ.

Hệ thống sông Hồng và sông Thái bình.

Sông Hồng dài 1200 km, bắt nguồn từ Vân nam (Trung quốc), chảy vào địa phận nước ta ở Lào cai (tỉnh Hoàng Liên Sơn). Sông Hồng có hai sông nhánh lớn là sông Đà và sông Lô. Từ Lào cai đến Yên Bái sông lắm thác ghềnh⁽¹⁾, sức nước rất mạnh. Từ Yên Bái ra đến biển, ghềnh thác ít nên thuyền bè đi lại dễ dàng. Về mùa hạ, nước sông Hồng thường dâng cao. Nhân dân ta đã đắp hàng ngàn ki-lô mét đê để chống lụt. Ta lại xây dựng hệ thống đại thủy nông Bắc — Hưng — Hải để lấy nước sông Hồng tưới cho đồng ruộng. Sông Thái bình do ba con sông hợp thành là sông Cầu, sông Thương và sông Lục nam. Sông Thái bình chia làm nhiều nhánh chảy ra biển, nhánh quan trọng nhất là sông Cẩm chảy ra cửa biển Hải phòng.

Hệ thống sông Mê công và sông Đồng nai.

Sông Mê công (còn gọi là sông Cửu long) dài 4500km bắt nguồn từ Tây tạng (Trung quốc), chảy qua Lào, Cam-pu-chia rồi vào Nam bộ. Ở Nam bộ, sông Mê công chia làm hai nhánh lớn: Tiền giang và Hậu giang.

Sông Đồng nai bắt nguồn từ Tây nguyên (Trung bộ). Sông này hợp với sông Sài gòn để chảy ra biển. Giữa các sông ở Nam bộ có nhiều kênh rạch nối liền nên thuyền bè đi lại dễ dàng.

Sông ngòi ở Trung bộ phần lớn bắt nguồn từ dãy Trường sơn rồi chảy ra biển nên dòng sông ngắn và có nhiều thác. Những sông lớn ở Trung bộ là sông Mã, sông Cả, sông Gianh, sông Thu bồn, sông Đà rằng.

Sông ngòi ở nước ta đã tạo nên nhiều đồng bằng lớn, cung cấp nước cho đồng ruộng và là đường giao thông quan trọng. Sông ngòi còn cung cấp nhiều cá và là nguồn thủy điện ⁽²⁾ rất lớn.

Chú thích:

(1) *Ghềnh, thác*: ghềnh là nơi dòng sông gặp đá lởm chởm nên nước chảy xiết. Thác là nơi nước đổ từ trên cao xuống vì lòng sông chênh lệch nhiều.

(2) *Thủy điện*: điện do sức nước tạo ra.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Chỉ hệ thống sông ngòi ở Bắc bộ trên bản đồ. Sông Hồng chảy qua những nơi nào, có những nhánh nào?
2. Chỉ hệ thống sông ngòi ở Nam bộ trên bản đồ. Hai nhánh lớn của sông Mê công tên là gì?
3. Kể tên vài con sông ở Trung bộ và chỉ trên bản đồ. Sông ngòi ở Trung bộ có đặc điểm gì?
4. Sông ngòi có ích lợi gì cho đời sống của nhân dân ta?

BÀI ĐỌC THÊM

SÔNG HỒNG

Sông Hồng có nhiều tên gọi khác nhau và tên nào cũng có ý nghĩa cả. Gọi là sông Cái vì đây là con sông lớn nhất miền Bắc và có nhiều sông con chảy vào: gọi là Nhi hà vì khúc sông ở mạn Phú thọ có đoạn uốn cong như một vành tai; gọi là sông Thao vì nó chảy qua vùng Lâm thao (Phú thọ); gọi là sông Hồng vì nước sông thường đỏ như màu gạch non.

Đẹp nhất là đoạn sông từ ngã ba Hạc (Việt tri) chảy về xuôi. Từ ngã ba Hạc, sông Hồng nhận thêm nước của sông Lô và sông Đà chảy vào nên sông nhiều nước, rộng mênh mông. Từ ngã ba Hạc, bãi mìa bờ đầu xanh ngắt, làng mạc đông đúc vui tươi, thuyền bè ngược xuôi ngày đêm như mắc cửi. Dòng sông như một dải lụa đào vắt ngang lên chiếc áo màu xanh của đồng bằng Bắc bộ.



Cầu Long biên bắc ngang sông Hồng



Con sông này trước kia hung hãn như Thủy tinh trong truyện thần thoại, hằng năm dâng nước làm ngập lụt làng mạc, ruộng đồng. Nhân dân ta đã đắp hàng nghìn ki-lô-mét đê ngăn nước lũ, bảo vệ mùa màng. Nhân dân ta lại bắt một phần nước sông Hồng chảy vào hệ thống đại thủy nông Bắc-Hưng-Hải ở cổng Xuân quan (thuộc Bát tràng, Gia lâm, ngoại thành Hà nội) để tưới cho đồng ruộng hai tỉnh Hà bắc và Hải hưng.

BÀI SỐ 7

KHOÁNG SẢN

Nước ta có nhiều loại khoáng sản cần thiết cho công nghiệp. Các mỏ khoáng sản phần nhiều tập trung ở vùng núi và cao nguyên miền Bắc.

Than đá là một loại khoáng sản có nhiều ở nước ta. Than của ta sức nóng cao, cháy lâu, lại ít tàn, thuộc loại than tốt nhất thế giới. Hồng gai là khu mỏ than quan trọng ở nước ta. Than ở đây rất dễ khai thác vì ở gần mặt đất, lại nằm cạnh bờ biển nên tàu ăn than của các nước ra vào rất thuận tiện. Ngoài ra ta còn nhiều mỏ than khác nằm rải rác ở các nơi như Bắc thái, Nghệ tĩnh, Quảng nam, v.v...

Sau than là a-pa-tit, một loại khoáng sản dùng làm phân bón ruộng. A-pa-tit của ta cũng vào loại tốt nhất thế giới. Vùng có mỏ a-pa-tit lớn là Lào cai (Hoàng liên sơn). Than và a-pa-tit không những chỉ để cung cấp cho công nghiệp và nông nghiệp miền Bắc nước ta mà còn là những loại hàng xuất khẩu có giá trị, hàng năm được bán ra nước ngoài rất nhiều. Muốn phát triển công nghiệp còn cần phải có kim loại.

Nước ta cũng có nhiều mỏ kim loại. Mỏ sắt ở Thái nguyên (Bắc thái), Yên Bái (Hoàng liên sơn), Cao bằng (Cao lạng), v.v... có chất lượng tốt. Hiện nay khu gang thép Thái nguyên đã sản xuất được nhiều loại thép.

Nước ta còn có mỏ thiếc ở Tĩnh túc (Cao lạng), mỏ kẽm ở Bắc thái, Hà tuyên, mỏ đồng ở Sơn la, mỏ crom ở Cổ định (Thanh hóa), mỏ vàng ở Bồng miêu (Quảng nam — Đà nẵng), v.v... Đó là những mỏ kim loại quý, rất có giá trị. Ngoài các mỏ kim loại, nước ta còn có nhiều khoáng sản khác. Các núi đá vôi là kho nguyên liệu vô tận để làm xi-măng, xây nhà, lát đường, nung vôi. Đá hoa ở Quảng nam — Đà nẵng là một loại đá đẹp và quý. Nhiều nơi còn có đất sét trắng dùng để làm đồ sứ.

Những khoáng sản trên đây là nguyên liệu quan trọng để xây dựng nền công nghiệp xã hội chủ nghĩa của nước ta.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

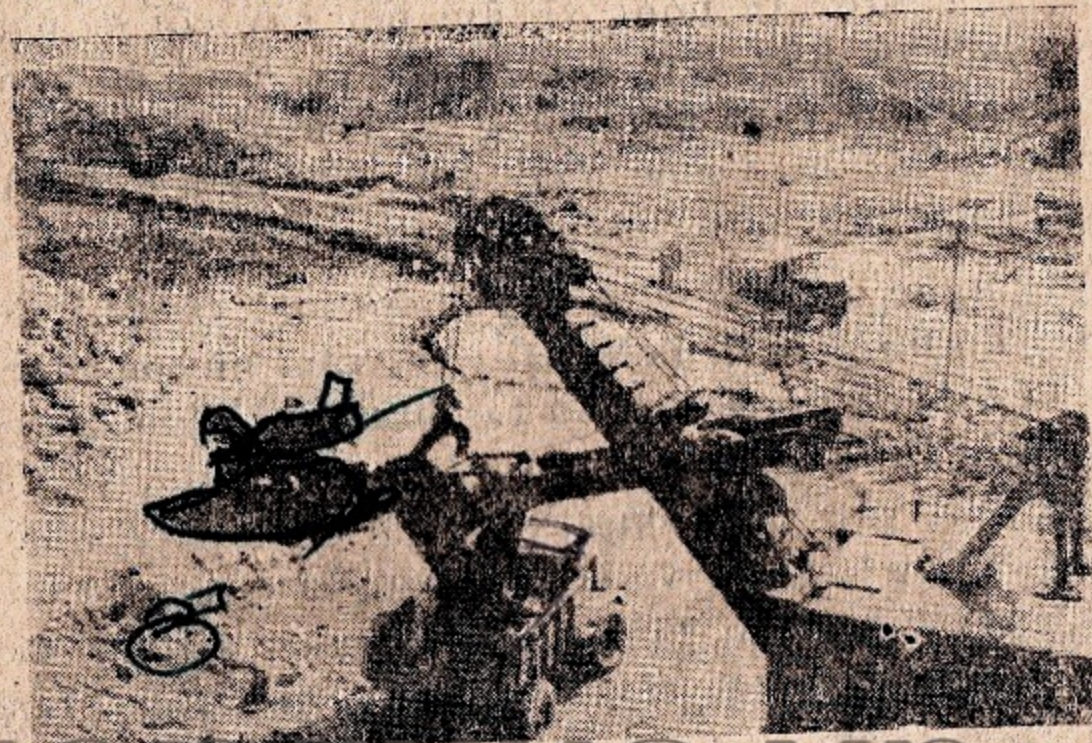
1. Kể các loại khoáng sản có nhiều nhất ở nước ta.
2. Chỉ trên bản đồ vùng mỏ Hồng gai và nói về tầm quan trọng của nó.
3. Kể các mỏ kim loại và các khoáng sản khác ở nước ta.
4. Các loại khoáng sản của ta cần thiết cho sự phát triển công nghiệp như thế nào? Kể một vài thí dụ.

BÀI ĐỌC THÊM

VÙNG MỎ GIÀU ĐẸP

Khu mỏ than Hồng gai của ta chạy dài từ Phả Lại vắt qua Đông triều, Uông bí, Hồng gai, Cẩm phả, Mông dương, ngập mình xuống biển và nhô đầu ra tận đảo Cái bầu. Những vỉa

than giàu có ấy có lúc nằm sâu trong lòng đất, có lúc nằm phơi mình ngay sát trên mặt đất, chỉ cần bóc một lượt đất mỏng là tới ngay. Cả một vùng rộng lớn đâu cũng có than



Vùng mỏ Hồng quang

Vùng than nằm cạnh biển lại có hai hải cảng Cửa ồng và Hồng gai, ngày đêm tàu lớn ra vào tấp nập "ăn than". Mỏ than của ta đã giàu lại đẹp, có vịnh Hạ long hùng vĩ, có núi Bãi thơ duyên dáng, có Bãi cháy sóng vỗ dạt dào.

Trên khắp các công trường than, không khí lao động sôi nổi, phấn khởi. Đứng cao nhất là các tổ máy khoan búa, cần khoan lộ nhô như đỉnh cột buồm của đoàn thuyền đánh cá. Thấp hơn là những cỗ máy xúc khổng lồ như những tòa nhà lớn, mỗi một hộp xúc được bốn mét khối than. Từng đoàn ô-tô "gấu", "bò tót" tấp nập đi lại, chở "vàng đen" đem ra hải cảng.

Trên đất mỏ giàu có, những người thợ mỏ ngày đêm đang gắng sức thi đua khai thác ngày một thêm nhiều than để góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

RỪNG

Khí hậu nước ta nóng và ẩm nên cây cối dễ phát triển. Suốt từ Bắc đến Nam, nước ta có nhiều rừng cây quanh năm xanh tốt. Chúng ta có rừng trên núi, lại có rừng nước mặn mọc ngay trên bãi biển mới bồi. Rừng chiếm sáu mươi phần trăm diện tích nước ta.

Rừng nước ta có thể chia làm nhiều loại. Ở các miền thượng du nước ta đều có loại rừng rậm nhưng nhiều nhất là ở miền đông Nam bộ và phía nam Trường sơn. Rừng thưa thường mọc ở những vùng ít mưa và đất xấu. Ở đây, cây mọc thưa, mặt đất thường có nhiều cỏ tranh. Cao lạng và vùng Tây nguyên có nhiều loại rừng này. Vùng ven biển có rừng nước mặn. Ở đây thường mọc các loại cây như đước, vẹt, bần... Loại rừng này chiếm một diện tích khá rộng ở vùng Cà mau thuộc Nam bộ.

Rừng cho chúng ta nhiều sản vật, nhất là gỗ: Rừng nước ta có hàng trăm thứ gỗ. Có những thứ quý như gỗ mun màu đen như sừng, gỗ bạch mộc màu trắng như ngà, gỗ hoàng đàn màu vàng như lụa, gỗ lát hoa nổi vân như mây. Những thứ gỗ quý kể trên là những mặt hàng rất được ưa chuộng trên thị trường thế giới. Ngoài gỗ, rừng còn cho ta tre, nứa, mây, song và các thứ cây làm thuốc như quế, sa nhân... Rừng cung cấp cho ta nhiều thức ăn ngon như măng, mộc nhĩ, nấm hương, mật ong và các loại cầm thú.

Rừng còn có tác dụng điều hòa nước mưa, hạn chế được lũ lụt, chống xói mòn. Rừng ngăn gió để cát biển khỏi lấn vào đồng ruộng. Hiện nay, Chính phủ ta đang khuyến khích trồng cây gây rừng để đảm bảo cung cấp gỗ cho công nghiệp, nông nghiệp và đời sống nhân dân.

1. Tại sao rừng lại phát triển nhiều ở nước ta?
2. Kê các loại rừng ở nước ta. Từng loại có đặc điểm gì? Chỉ trên bản đồ những nơi có nhiều rừng.
3. Rừng cung cấp cho ta những sản phẩm gì?
4. Rừng còn có những ích lợi gì khác nữa?

BÀI ĐỌC THÊM

RỪNG CÚC PHƯƠNG

Ở huyện Nho quan, tỉnh Hà Nam Ninh có một khu rừng nguyên sinh: Cúc phương. Gọi là rừng nguyên sinh là vì ở khu rừng này từ khi hình thành đến bây giờ con người ít tác động đến vì thế, ở đây còn sót lại những giống cây rất hiếm mà ở các nơi khác người ta không thấy nữa.

Có những cây thân to mấy người ôm không xuể, cao ba, bốn chục mét. Đặc biệt có những cây chò, xanh thẳng tắp, thân to đến mười người ôm mới kín.

Trong rừng, dây leo chằng chịt quấn quít đan thành những tấm lưới dày giữa các cây gỗ lớn. Ngay giữa trưa hè, mặt trời cũng không thể xuyên ánh sáng qua lớp lá cây rậm rạp mà xuống đến mặt đất được.

Sát dưới đất, những cây dương xỉ mọc um tùm. Không có lấy một con đường mòn qua rừng. Có đến hàng trăm loại cây, cỏ mà ta chưa thể biết hết tên.

Rừng Cúc phương không những có nhiều giống cây mà lại còn có nhiều động vật. Đặc biệt ở đây có các giống cây bay, sóc bay, heo vòi. Cây bay giống như chó, hai bên thân có

Rừng Cúc Phương

màng nổi liền bốn chân lại, nhờ đó mà cây có thể bay lượn được. Sóc bay cũng có màng mỏng ở hai bên thân nổi liền chân trước với chân sau để bay. Heo vòi giống một con lợn nhỏ nhưng lại có vòi như vòi voi.

Rừng Cúc phương thật là một «viện bảo tàng» thực vật, động vật của nước ta vậy.

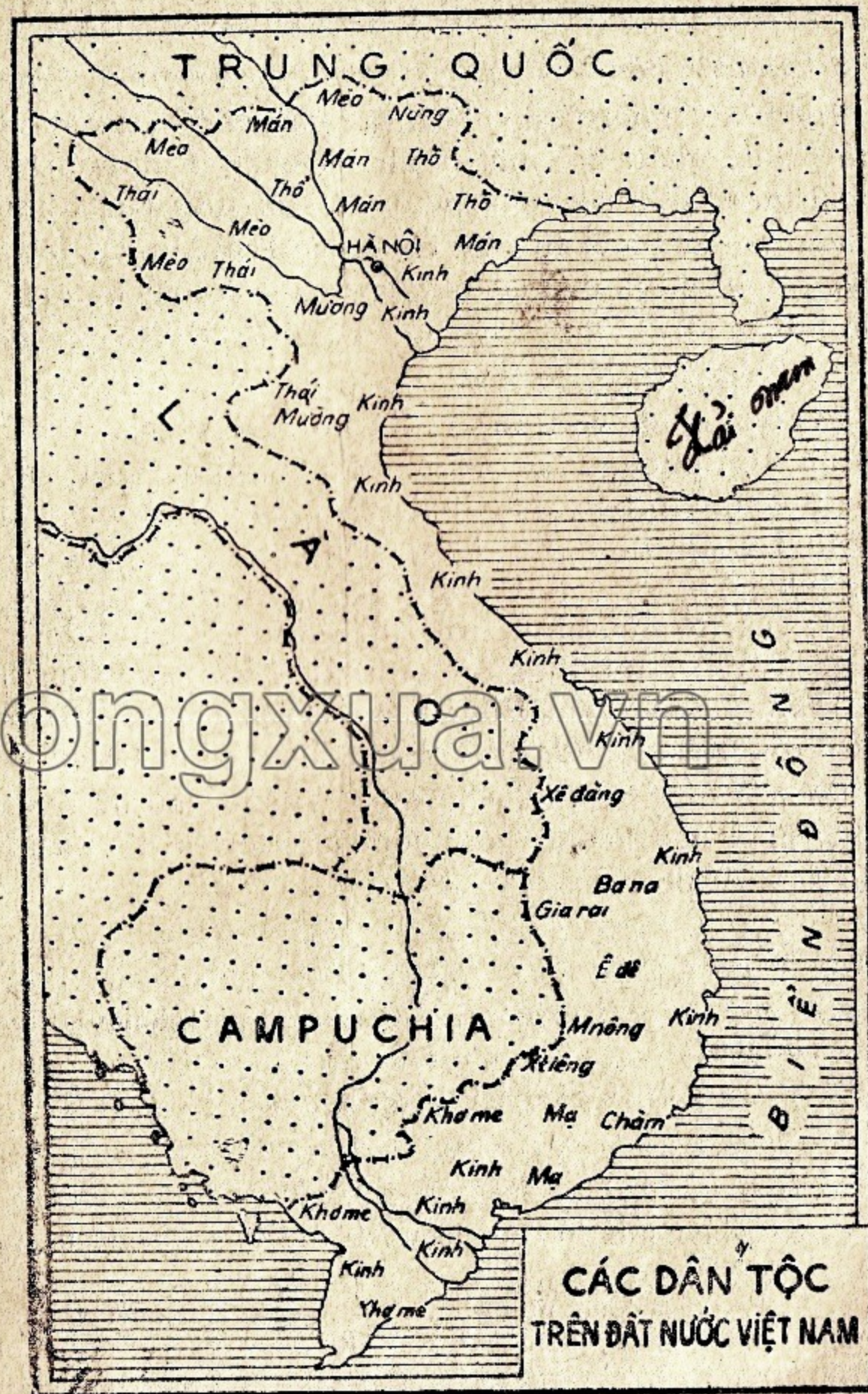
BÀI SỐ 9

DÂN CƯ — BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH

Dân cư :

Dân số nước ta có khoảng 50 triệu người. So với diện tích thì dân số nước ta khá đông. Ở các miền đồng bằng, dân cư tập trung rất đông đúc. Nhưng ở các miền rừng núi, dân cư lại rất thưa thớt. Phần lớn nhân dân ta sống ở nông thôn, sản xuất nông nghiệp. Chỉ có một số ít ở thành thị.

Nước ta có nhiều dân tộc. Đồng nhất là dân tộc Kinh, chiếm non chín phần mười dân số cả nước, sống tập trung ở miền đồng bằng suốt từ Bắc vào Nam. Ngoài ra còn có trên sáu mươi dân tộc ít người⁽¹⁾ ở rải rác trên các miền núi và cao nguyên. Ở miền Bắc có trên ba mươi dân tộc ít người, đông dân hơn cả là các dân tộc Tày Nùng (Việt bắc), Thái, Mèo (Tây bắc), Mường (Hà sơn bình). Ở miền Nam cũng có trên ba mươi dân tộc ít người, đông nhất là các dân tộc Khơ me (Tây và Trung Nam bộ), Gia rai, Ê đê, Ba na... (Tây nguyên). Tất cả các dân tộc nhiều người và ít người đều được tự do, bình đẳng, đã cùng nhau đoàn kết đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và hiện nay đang hăng hái thi đua xây dựng đất nước.



Nước ta còn có chừng năm mươi vạn Việt kiều⁽²⁾ sống ở nước ngoài, đông nhất là ở Cam-pu-chia và Thái lan.

Phân chia hành chính.

Hiện nay miền Nam đã được giải phóng, nước nhà đã thống nhất. Về mặt hành chính, đất nước được chia thành 38 thành phố và tỉnh. Mỗi tỉnh chia thành nhiều huyện, mỗi huyện chia thành nhiều xã. Ở mỗi cấp hành chính đều có những cơ quan thay mặt nhân dân điều khiển mọi việc chung như Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

38 thành phố và tỉnh là: Hà nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải phòng, Lai châu, Sơn la, Hoàng liên sơn, Hà tuyên, Cao lạng, Bắc thái, Vĩnh phú, Hà bắc, Quảng ninh, Hà sơn bình, Hải hưng, Thái bình, Hà nam ninh, Thanh hóa, Nghệ tĩnh, Bình trị thiên, Quảng nam — Đà nẵng, Nghĩa bình, Gia lai — Công tum, Đắk lắk, Phú khánh, Lâm đồng, Thuận hải, Đồng nai, Sông bē, Tây ninh, Long an, Đồng tháp, Tiền giang, Bến tre, Cửu long, An giang, Hậu giang, Kiên giang, Minh hải.

Hà nội là thủ đô của nước ta. Thành phố đông dân nhất hiện nay là Sài gòn, mới đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh.

Chú thích:

(1) Các dân tộc ít người ở Tây nguyên gọi chung là đồng bào Thượng.

(2) Việt kiều: người Việt nam sinh sống ở nước ngoài.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Dân số nước ta có bao nhiêu? Dân cư tập trung đông đúc ở những miền nào?

2. Nước ta có bao nhiêu dân tộc? Người Kinh tập trung đông ở miền nào? Các dân tộc ít người sống ở những miền nào?

3. Kê tên một số dân tộc ít người và chỉ trên bản đồ những vùng tập trung của các dân tộc ấy.

4. Em ở tỉnh nào, huyện nào? Tìm trên bản đồ vị trí của thủ đô Hà nội và vị trí của tỉnh em. Từ tỉnh em đến Hà nội phải qua những tỉnh nào?

BÀI ĐỌC THÊM

VIỆT BẮC, QUÊ HƯƠNG CÁCH MẠNG

Việt bắc có núi cao, rừng rậm, có những đồng cỏ tốt tươi, những cánh đồng màu mỡ. Trong lòng đất Việt bắc chứa chất bao nhiêu của quý, nào sắt Thái nguyên, nào kẽm Tuyên quang, nào than Lạng Cầm, nào thiếc Cao lạng v.v... Việt bắc có nhiều của ngon vật lạ mà cả nước biết tiếng: chè Hà tuyên, lê, đào, mận, hồng Cao lạng v.v... Việt bắc không những có tài nguyên giàu có mà còn có nhiều cảnh đẹp. Kê vào loại thắng cảnh thì có động Tam thanh, thác Bản Giốc (Cao lạng), có hồ Ba bề (Bắc thái).

Nhưng đáng tự hào nhất chính vì Việt bắc là quê hương của cách mạng. Từ Việt bắc, Bác Hồ đã lãnh đạo cách mạng trong cả nước. Từ Việt bắc, quân giải phóng đã tiến về đồng bằng đánh Pháp, đuổi Nhật. Từ Việt bắc, cách mạng đã lan rộng trong cả nước và đã thành công, lập nên nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Việt bắc mang biết bao nhiêu di tích lịch sử: hang Pác bó, mái đình Hồng thái, cây đa Tân trào... Trong kháng chiến, Việt bắc lại là căn cứ địa của kháng chiến đã ghi thêm nhiều trang sử anh hùng.

Cách mạng thành công, kháng chiến thắng lợi. Việt bắc vươn mình, tiến tới. Ngót bốn mươi dân tộc kết thành một khối xây dựng quê hương. Các nông trường ngày một mở rộng.

Công nghiệp đã phát triển. Điện đã sáng núi rừng. Mỏ thiếc Tĩnh lức đã được trang bị máy móc hiện đại. Và tự hào biết mấy, quê hương cách mạng cũng là quê hương gang thép: khu gang thép Thái nguyên đã bước vào sản xuất.

Tương lai của Việt bắc ngời sáng như tương lai cách mạng.

BÀI SỐ 10

KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN MỘT NỀN KINH TẾ GIÀU MẠNH

Nước ta có đồng bằng rộng, đất tốt, thích hợp cho việc trồng lúa là loại cây lương thực quý. Ngoài lúa, ta có thể trồng ngô, khoai, đậu, lạc, mía, bông, v.v...

Miền trung du Bắc bộ là đất đồi trồng chè, sơn, trầu, cam, chuối, dưa... rất tốt. Miền đất đỏ ở Tây nguyên, miền đất xám ở đồng bằng Nam bộ thích hợp cho việc trồng cao su, cà phê, chè... là những loại cây nhiệt đới rất quý.

Khí hậu nước ta lắm nắng, nhiều mưa, cây cối tươi tốt cả bốn mùa, mỗi năm ta có thể trồng cấy ba, bốn vụ liên tiếp.

Ta còn có nhiều đồng cỏ để phát triển chăn nuôi trâu bò. Ở đâu cũng sẵn thức ăn để nuôi lợn, gà, vịt. Bờ biển nước ta dài, sông, hồ, ruộng nước nhiều nên nghề cá có thể phát triển mạnh.

Nước ta có đất rộng và tốt, nhiều sông ngòi, khí hậu thuận tiện nên có khả năng phát triển nền *nông nghiệp nhiệt đới toàn diện* ⁽¹⁾.

Nước ta có gần đủ các loại khoáng sản: nào than, sắt, nào thiếc, co-rôm, a-pa-tít... Sông ngòi nước ta có nhiều khả năng phát điện. Rừng nước ta có nhiều gỗ, tre, nứa, lau sậy... Nông sản của ta nhiều. Với những tài nguyên, sản vật ấy, nước ta có đầy đủ khả năng xây dựng một *nền công nghiệp tương đối hoàn chỉnh* ⁽²⁾.

Nhân lực ở nước ta dồi dào, nhân dân ta cần cù, khéo léo. Nhìn chung các mặt, nước ta có đủ khả năng phát triển một nền kinh tế giàu mạnh.

Hiện nay được sự giúp đỡ của các nước anh em nhất là Liên xô, Trung quốc, nhân dân ta ở cả hai miền Bắc và Nam đang phát huy tinh thần tự lực cánh sinh trong sản xuất để xây dựng đất nước.

Chú thích:

(1) *Nền nông nghiệp toàn diện*: nền nông nghiệp phát triển đều cả trồng trọt, chăn nuôi, nghề cá; trong trồng trọt có đủ cây công nghiệp, cây lương thực...

(2) *Nền công nghiệp tương đối hoàn chỉnh*: nền công nghiệp có gần đủ các ngành công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ, nhất là các ngành quan trọng như khai mỏ, cơ khí, điện, chế biến, v.v...

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Đất đồng bằng của ta có thể trồng được những loại cây gì? Ta có điều kiện trồng những loại cây công nghiệp quý gì? Ở đâu?

2. Ta có những điều kiện gì để phát triển chăn nuôi trâu bò, lợn, gà?

3. Ta có những điều kiện gì để phát triển nghề cá?
4. Ta có những khoáng sản, nguyên liệu để phát triển những ngành công nghiệp gì?



BÀI ĐỌC THÊM

NƯỚC TA BIỂN BẠC, RỪNG VÀNG

Nhân dân ta có câu «rừng vàng, biển bạc», ý nói rừng và biển nước ta có rất nhiều của cải chẳng khác nào những kho vàng, kho bạc.

Suốt dọc 3000km bờ biển có hàng nghìn loài hải sản, trong đó nhiều loại có giá trị dinh dưỡng và kinh tế rất cao, như tôm hùm, tôm he, hải sâm, sò huyết. Riêng về cá, ở vịnh Bắc Bộ, đã tìm thấy gần 400 giống khác nhau, ngon nhất là chim, thu, nhụ, đế.

Nước ta đã có biển rộng lại có nhiều rừng. Rừng của ta lắm gỗ, quý nhất là bốn thứ: đinh, lim, sến, táu thường được gọi là «tứ thiết» (bốn thứ gỗ cứng như sắt). Có những cây gỗ to mười người ôm không xuể.

Rừng nước ta bạt ngàn tre, nứa, trúc, mai... Tre nứa được dùng vào trăm công nghìn việc, lại là nguyên liệu quý để làm giấy. Những cây gậy trượt tuyết, những chiếc cần câu bằng trúc của ta được các nước bạn rất ưa chuộng. Rừng ta lắm song, mây, nhiều cây làm thuốc quý như quế, sa nhân, nhiều thức ăn ngon như nấm hương, mộc nhĩ... Rừng của ta còn lắm chim, nhiều thú. Ta có thể săn bắt để lấy thịt ăn, làm thuốc hoặc nuôi làm cảnh.

Thật là rừng vàng, biển bạc. Thế mà trước kia sống dưới ách thực dân và phong kiến, nhân dân ta vẫn đói nghèo.

Ngày nay cả nước đã được giải phóng, rừng vàng, biển bạc đã trở về với nhân dân ta. Ta không những khai thác có kế hoạch mà còn bảo vệ, phát triển các của cải ấy để mãi mãi làm giàu cho Tổ quốc.

BÀI SỐ 11

NÔNG NGHIỆP

Nước ta là một nước nông nghiệp, trên 80 phần trăm dân số sống về nghề nông.

Đất đai, trồng trọt cả nước trên năm triệu héc-ta.

Lúa là cây lương thực quan trọng nhất chiếm đến bảy phần mười tổng diện tích đất trồng trọt. Lúa trồng



Được mùa

khắp các miền đồng bằng. Đồng bằng Bắc bộ và đồng bằng Nam bộ là hai vùng trồng lúa lớn nhất và tốt nhất. Một năm có thể trồng hai, ba vụ lúa.

Ngoài lúa, nhân dân ta còn trồng nhiều loại hoa màu như ngô, khoai, sắn, đậu... nhiều loại cây ăn quả như chuối, cam, dừa, xoài... nhiều loại rau, nhiều loại cây công nghiệp như bông, mía, lạc, dừa, cao su, cà phê, chè, thuốc lá... Miền Nam nổi tiếng về cao su, dừa.

Nhân dân ta *chăn nuôi* nhiều loại súc vật. Khắp nơi trong nước, đâu đâu cũng có nuôi trâu, bò, lợn, gà...

Một số nơi còn nuôi ngựa, dê, bồ câu, ong... Trên các cao nguyên cao ráo và mát mẻ ở miền Bắc hiện nay đang phát triển việc chăn nuôi cừu.

Nghề đánh cá ở nước ta rất phát triển. Suốt dọc ven biển, nơi nào cũng có thể đánh cá được. Có nhiều thứ cá ngon như cá thu, cá chim, cá mực... Ngoài ra ta còn đánh cá ở sông, hồ và nuôi cá ở hồ ao, ruộng nước.

Ở các vùng miền núi còn có nghề *khai thác lâm sản*: gỗ, tre, nứa... Đi đôi với việc khai thác rừng, ta còn trồng cây gây rừng.

Ở miền Bắc nước ta, hiện nay, nền sản xuất nông nghiệp đã phát triển mạnh và đạt những thành tích lớn.

Từ năm 1961, hầu hết nông dân ở miền Bắc đã gia nhập hợp tác xã. Chính phủ đã mở nhiều nông trường. Kỹ thuật cây cấy được cải tiến, công tác thủy lợi phát triển rộng rãi. Ta đã khai hoang được hàng chục vạn héc-ta. Đến nay sản lượng lúa đã tăng gấp đôi trước kia.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Việc trồng lúa ở nước ta quan trọng như thế nào? Những vùng nào trồng lúa nhiều nhất? Chỉ trên bản đồ các vùng ấy.
2. Ngoài lúa ra, nhân dân ta còn trồng những gì? Miền Nam có những sản vật gì nổi tiếng?
3. Nhân dân ta chăn nuôi những gì? Ở địa phương em, nhân dân chăn nuôi những gì?
4. Nhân dân ta đánh cá ở những đâu? Nuôi cá ở những đâu? Nghề đánh cá quan trọng như thế nào?
5. Ở miền Bắc nước ta, nền sản xuất nông nghiệp đã có những thành tích lớn như thế nào?

BÀI ĐỌC THÊM

NÔNG TRƯỜNG ĐIỆN BIÊN

Điện biên, chiến trường đầy máu lửa ngày trước nay đã biến thành một nông trường rộng lớn. Đứng trên đồi A1 ngắm cánh đồng Mường Thanh, chúng ta có cảm tưởng như đang đứng trước một bức tranh đẹp. Hàng trăm mẫu ngô xanh rờn như những tấm lụa màu lá mạ. Cánh đồng Điện biên mênh mông biển lúa kéo dài từ đồi Độc lập đến Hồng cúm và chạy xa tới tận chân núi tím lam. Xen vào đây là những vườn ươm cà phê, cao su, long nhãn xanh tươi. Giữa cánh đồng Điện biên, con sông Nậm rỏm hiền hòa, uốn quanh Him lam, chạy sát chân đồi E rồi lững lờ trôi về phía các bản làng Hồng cúm.

Những anh bộ đội hơn mười năm về trước đã cầm cờ chiến thắng trên mảnh đất lịch sử này, nay đang làm ra ngô lúa. Cạnh các anh là những nam nữ thanh niên quê ở miền xuôi tình nguyện lên xây dựng quê hương mới.

Những ngôi nhà mới mọc lên san sát. Những dãy nhà còn tươi màu ngói mới, những tường vôi trắng lớp, có cửa chớp sơn xanh chen nhau trên các đồi Mâm xôi, Him lam. Đó là những khu nhà của công nhân, những vườn trẻ, câu lạc bộ, cửa hàng mậu dịch v.v...

Điện biên đang đổi mới. Một nông trường giàu đẹp đang lớn lên trên miền tây Tổ quốc.

BAI SỐ 12

CÔNG NGHIỆP

Trải bao nhiêu năm bị thực dân, phong kiến kìm hãm, nền công nghiệp của nước ta rất nhỏ bé, yếu ớt.

Trong nước, từ lâu, ngành thủ công nghiệp giữ địa vị quan trọng, sản xuất ra hàng trăm mặt hàng cần thiết cho nhân dân. Nào dệt vải, dệt tơ, lụa; nào làm muối, làm nước mắm, làm đường; nào sản xuất đồ sành, đồ sứ, đồ gỗ, đồ sắt; nào chạm khắc, đan lát, v.v... Có những nơi sản xuất những loại hàng nổi tiếng từ lâu đời như tơ lụa Hà đông (tỉnh Hà tây), Bình định (Nghĩa bình), đường Quảng Ngãi (Nghĩa bình), đồ sứ Bát tràng (Hà nội)...

Sau khi đánh đuổi được thực dân Pháp, miền Bắc nước ta bước vào xây dựng một nền công nghiệp độc lập, tương đối hoàn chỉnh.

Ta đã khôi phục, mở rộng việc khai thác tài nguyên khoáng sản như than Hồng gai (Quảng ninh), thiếc Cao bằng (Cao lạng), a-pa-tít Lao cai (Hoàng liên sơn), cơ-rôm Thanh hóa, sắt Thái nguyên (Bắc thái).

Ngoài việc sửa chữa các nhà máy điện cũ, ta đã xây dựng thêm nhiều nhà máy điện mới. Các nhà máy điện Lao cai, Việt trì, Thái nguyên, Uông bí chạy bằng than (nhiệt điện). Nhà máy điện thác Bà chạy bằng sức nước (thủy điện). Ta có nhà máy cơ khí Hà nội⁽¹⁾ và nhiều nhà máy cơ khí khác. Nhà máy xi măng Hải phòng là một trong những nhà máy lớn, vừa được mở rộng để tăng mức sản xuất. Ngoài nhà máy dệt Nam định, ta đã xây thêm nhà máy dệt Hà nội « 8-3 ». Những nhà máy đường, nhà máy giấy, nhà máy gỗ, nhà máy cao su, xà phòng, thuốc lá, v.v... đều mới xây dựng, có những máy móc hiện đại.

Hằng năm ở miền Bắc nước ta có hàng chục nhà máy mới bước vào sản xuất. Những khu công nghiệp lớn ở miền Bắc⁽²⁾ là Hà nội, Hải phòng, Nam định, Vinh, Việt trì, Thái nguyên. Thái nguyên là khu công nghiệp gang thép đầu tiên của nước ta. Ở miền Nam, sau ngày giải phóng, nhiều cơ sở công nghiệp đã lần lượt sản xuất trở lại: các nhà máy điện, nước, các xí nghiệp dệt, giấy, dược phẩm, thủy tinh, sẫm lốp...

Miền Nam giải phóng, hòa bình được lập lại, đất nước thống nhất, nền công nghiệp non trẻ của chúng ta, có đủ điều kiện thuận lợi để phát triển, làm cho nước nhà mau chóng giàu mạnh.

Chú thích:

(1) Nhà máy cơ khí Hà nội là nhà máy lớn nhất và hiện đại nhất miền Bắc, sản xuất ra nhiều loại máy để trang bị cho các nhà máy khác trong nước và để bán ra nước ngoài.

(2) Hà nội có nhiều nhà máy: điện, cơ khí, xe lửa, cao su, xà phòng, gỗ, dệt, bia, thuốc lá, xay gạo, hoa quả hộp, thuộc da v.v...

Hải phòng có các nhà máy xi măng, đóng tàu, cá hộp, sắt tráng men, nhựa, len, v.v...

Nam định có nhà máy dệt liên hợp.

Vinh có nhà máy điện, đường, xẻ gỗ, v.v...

Việt tri có nhà máy điện, hóa chất, giấy, đường, thuốc trừ sâu, v.v...

Thái nguyên có khu liên hợp gang thép.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Ngành thủ công nghiệp quan trọng như thế nào? Kể một số ngành thủ công quan trọng ở nước ta.

2. Ở miền Bắc hiện nay có những ngành công nghiệp gì? Kể một số mỏ đang khai thác và một số nhà máy mới.

3. Kể những khu công nghiệp ở miền Bắc. Trong các khu ấy, những khu nào mới được xây dựng? Chỉ trên bản đồ các khu công nghiệp.

BÀI ĐỌC THÊM

KHU GANG THÉP THÁI NGUYÊN

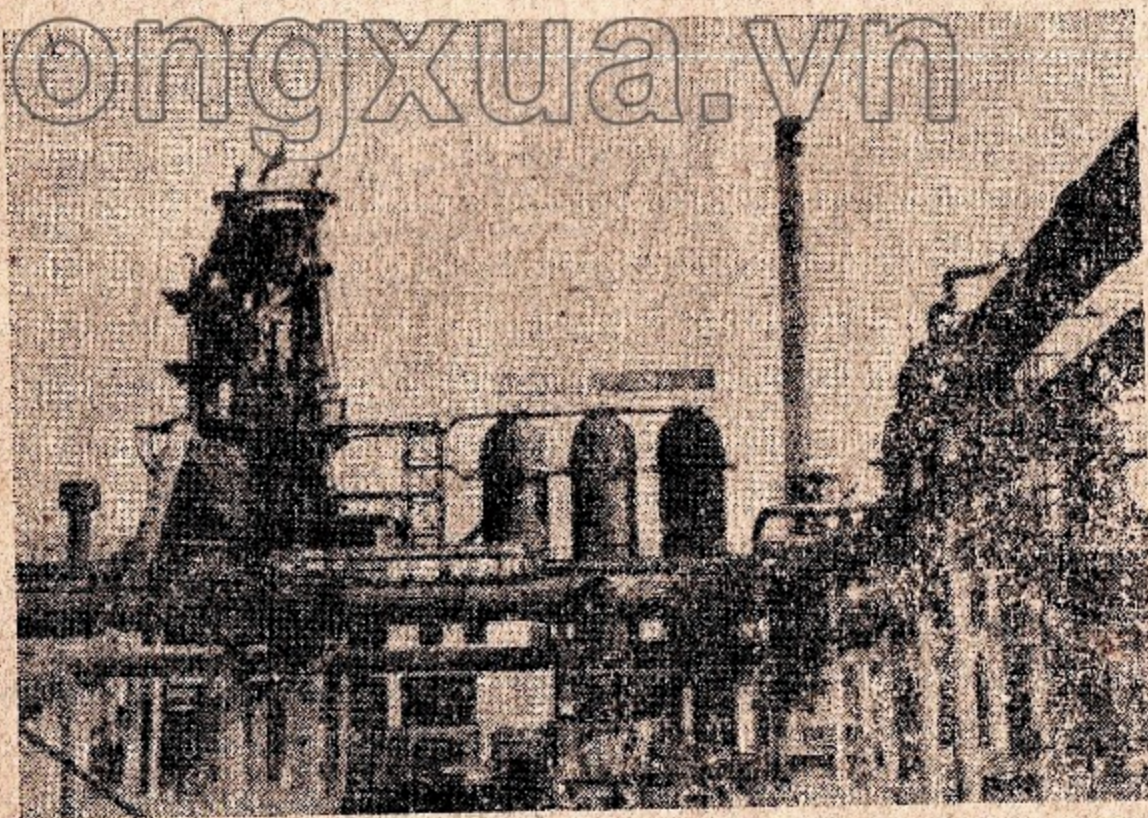
*Nước non vẫn nước non nhà
Nhìn xem phong cảnh nay đã khác xưa*

Thật vậy, trước kia ở vùng Lưú xá (Thái nguyên) chỉ toàn là đồi trọc hoang vu. Thế mà ngày nay cả một khu công nghiệp lớn đã mọc lên. Đây chính là nơi ta đã sản xuất ra gang ra thép cho Tổ quốc. Có những lò cao khổng lồ để nấu gang luyện thép. Có xưởng luyện than để cung cấp cho lò cao. Có nhà máy làm gạch chịu lửa để xây lò. Có nhà máy điện rất

lớn để cung cấp điện cho máy chạy. Có nhà máy cán thép để cán thép thành từng tấm. Có nhà máy cơ khí để đem gang thép chế tạo thành các loại máy... Cả một hệ thống đồ sộ hợp lại thành khu gang thép.

Được nước bạn Trung quốc tận tình giúp đỡ, ta đã xây dựng khu gang thép đầu tiên của Tổ quốc. Hơn hai vạn cán bộ, công nhân đã làm việc khẩn trương trong gần ba năm. Mồ hôi đổ xuống, nhà máy mọc lên. Họ đã san bằng non năm mươi quả đồi. Họ đã xây trên trăm ngôi nhà lớn nhỏ. Đường ống mà họ đã đặt dài non một trăm ki-lô-mét, còn đường dây điện thì đến trên bốn trăm ki-lô-mét. Những con đường sắt chạy trong khu dài non bốn mươi ki-lô-mét. Con đường ô tô trong khu cũng dài hai mươi ki-lô-mét.

Vào ngày cuối năm 1963, tin vui được truyền đi khắp nơi: Mỏ gang đầu tiên ở giữa lòng Việt bắc đã ra lò!



Hệ thống lò cao số 1 khu gang thép Thái nguyên

ĐƯỜNG GIAO THÔNG

Nước ta có đủ các loại đường giao thông: đường sắt, đường bộ, đường sông, đường biển, đường hàng không.

Trước kia nước ta có đường sắt chạy suốt từ Hà nội đến Sài gòn. Trong thời gian kháng chiến chống Mỹ, con đường này bị gián đoạn; hiện nay, ta đang tích cực khôi phục con đường này, tạo điều kiện đi lại thuận tiện giữa hai miền. Ngoài ra còn có các đường xe lửa Hà nội — Hữu nghị quan, Hà nội — Hải phòng, Hà nội — Lao cai và Hà nội — Thái nguyên.

Đường sắt nối liền nước ta với nước ~~bên Trung quốc~~ ^{Liên xô} và với các nước khác trong phe xã hội chủ nghĩa. Đường sắt còn nối liền miền núi, miền đồng bằng, miền biển với nhau, làm cho việc đi lại và trao đổi hàng hóa được mau chóng, thuận tiện.

Con đường ô tô quan trọng nhất cả nước ta là đường số 1⁽²⁾ chạy suốt từ Bắc vào Nam. Từ Hà nội và thành phố Hồ Chí Minh có nhiều đường ô-tô chạy đi các tỉnh. Trong mỗi tỉnh cũng có một số đường ô-tô chạy về các huyện và thị trấn.

Ngoài ra còn có một số đường ô-tô nối liền nước ta với nước Lào và nước Cam-pu-chia.

Các con sông lớn nhỏ ở nước ta đều được dùng làm đường giao thông. Hệ thống sông Hồng là đường sông quan trọng nhất ở miền Bắc. Ở Nam bộ, đường sông rất thuận tiện vì có nhiều sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

Bờ biển nước ta dài, có nhiều hải cảng tốt, do đó giao thông đường biển rất thuận lợi. Thành phố Hồ Chí Minh và Hải phòng là hai hải cảng lớn nhất nước ta.

Đường hàng không nối liền nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng. Những sân bay lớn nhất hiện nay của nước ta là Gia lâm, Tân sơn nhất, Đà nẵng, Biên hòa.

Hà nội và thành phố Hồ Chí Minh là hai đầu mối giao thông quan trọng nhất. Từ đây có nhiều đường xe lửa, đường ô-tô, đường sông tỏa đi khắp nơi trong nước.

Chú thích :

(1) Các đường sắt: Hà nội — Hữu nghị quan: 167km; Hà nội — Hải phòng: 102km; Hà nội — Thái nguyên: 76km; Hà nội — Lao cai: 296km; Hà nội — Vinh: 319km.

(2) Đường ô tô số 1 chạy từ Hữu nghị quan qua Hà nội vào Huế, thành phố Hồ Chí Minh, rồi lại nối từ thành phố Hồ Chí Minh đến biên giới nước Cam-pu-chia.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

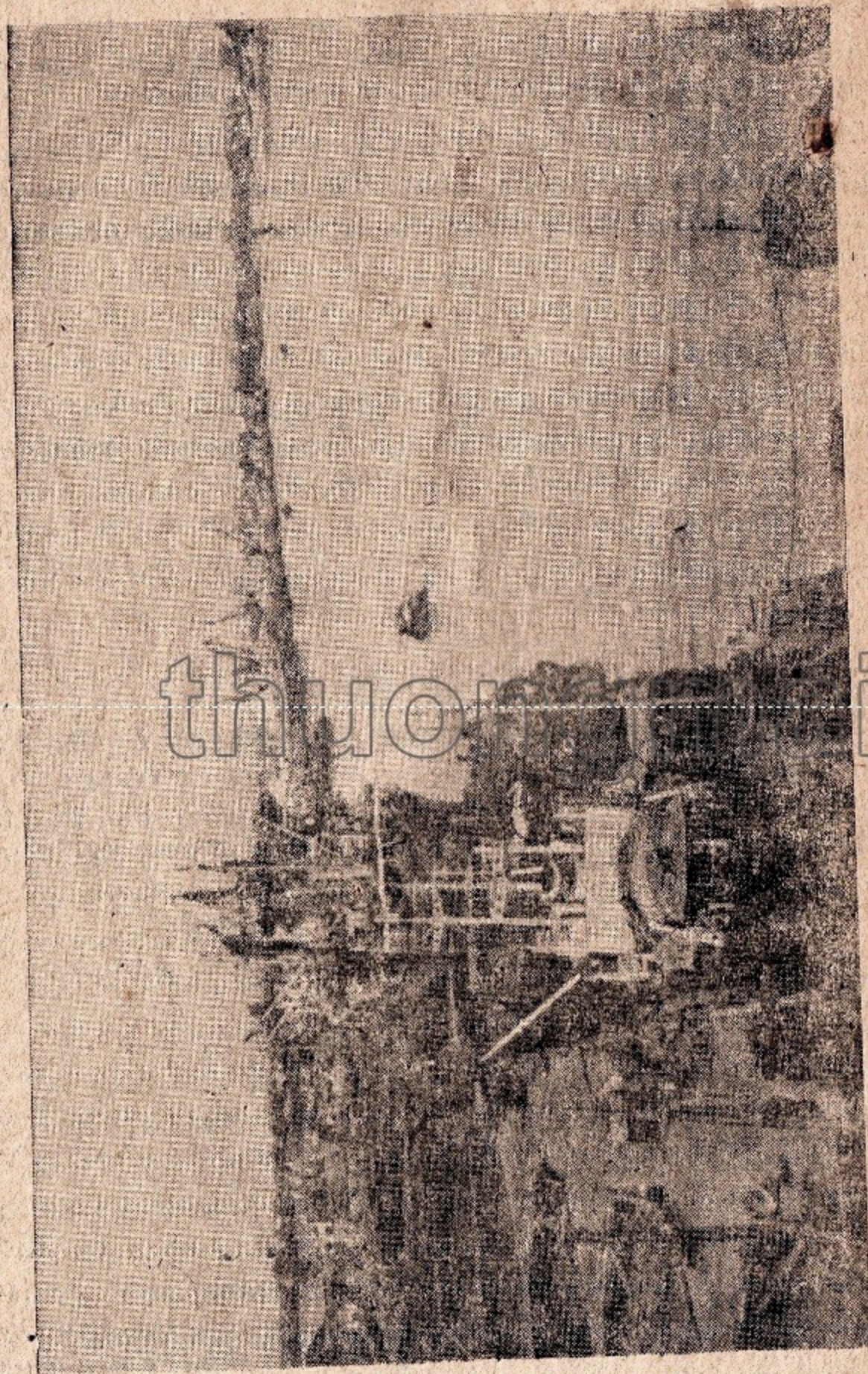
1. Kể và chỉ trên bản đồ những con đường sắt ở miền Bắc hiện nay. Bằng con đường nào ta có thể đi sang Trung quốc?
2. Kể một số đường ô-tô từ Hà nội và thành phố Hồ Chí Minh đi các tỉnh. Chỉ trên bản đồ các con đường ấy.
3. Đường sông quan trọng nhất ở miền Bắc là đường nào? Tại sao đường sông ở Nam bộ lại rất phát triển?
4. Muốn đi từ quê em tới Hà nội, có thể theo những đường giao thông nào?



BÀI ĐỌC THÊM

CẢNG HẢI PHÒNG

Hải phòng nằm trên bờ sông Cẩm, một nhánh của sông Thái bình. Cảng Hải phòng bao quát cả một vùng rộng lớn. Bên này sông Cẩm là thành phố Hải phòng, bên kia sông Cẩm là miền



Cảng Hải phòng

đất trũng Thủy nguyên, phía tây bắc là khu nhà máy xi măng ngày đêm tỏa khói, phía đông nam là khu nhà máy cá hộp Hạ long đồ sộ. Từ cảng Hải phòng ra biển còn cách ba mươi chín ki-lô-mét đường sông.

Đến đây, ta nhìn thấy quang cảnh một thành phố công nghiệp nhà cửa san sát, ống khói nhà máy lơ lửng, xe cộ rộn rịp, tàu bè tấp nập. Ở bến cảng, hàng hóa chất đống. Những khối gỗ, những kiện hàng, những đống quặng... chuẩn bị xuống tàu. Những máy mới còn đóng hòm mang nhãn hiệu nhiều nước bạn đang được trục lên bờ. Ô-tô, máy kéo lớn nhỏ xinh xịch đi lại. Những chiếc tàu to như những ngôi nhà lớn mang cờ Việt nam và cờ các nước. Ta gặp ở đây những chiếc tàu lớn của các nước bạn Liên xô, Trung quốc, Tiệp khắc, Ba lan... Ta còn thấy những tàu của Anh, Thụy điển, Hy Lạp... từ châu Âu, những tàu Ai cập, Ca-na-đa, Bra-xin từ châu Phi, châu Mỹ tới cập bến.

Tám ngôi nhà đồ sộ trên bến là tám kho chứa hàng lớn. Bên cạnh đó là những ngôi nhà của công nhân, những câu lạc bộ, cửa hàng ăn.

Cảng Hải phòng là cửa ngõ của vùng châu thổ Bắc bộ.

BÀI SỐ 14

THƯƠNG NGHIỆP — CÁC THÀNH PHỐ LỚN

Thương nghiệp là một ngành kinh tế quan trọng; nó đảm nhiệm việc trao đổi hàng hóa giữa các miền với nhau và giữa nước ta với các nước khác. Trong khắp nước ta, không nơi nào là không có chợ. Mỗi vùng hai, ba xã thường có một chợ họp vào những ngày nhất định trong một tháng. Hàng hóa ở chợ phần lớn là các nông, lâm, thổ sản. Ở những thành phố lớn thường có

những chợ lớn như chợ Đồng xuân (Hà nội), chợ Đông
ba (Huế), chợ Bến thành (thành phố Hồ Chí Minh).

Ở các thành phố, thị trấn còn có nhiều cửa hàng,
cửa hiệu bán đủ các loại hàng. Hàng hóa hiện nay hầu
hết đều do các nhà máy, các hợp tác xã của ta sản
xuất ra.

Mạng lưới mậu dịch quốc doanh⁽¹⁾ và hợp tác xã
mua bán ngày càng mở rộng đang phục vụ đắc lực
cho sản xuất và đời sống của nhân dân.

Việc buôn bán với các nước ngoài ngày càng mở rộng.
Hiện nay, ta đã buôn bán với trên 40 nước. Ta bán ra
các nông sản, lâm sản, khoáng sản, hàng thủ công,
hàng mỹ nghệ, một số hàng công nghiệp... Ta mua
vào: máy móc, nhiên liệu⁽²⁾, nguyên liệu công nghiệp,
một số hàng tiêu dùng... Ngoại thương⁽³⁾ phục vụ đắc
lực cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, cho việc
cải thiện đời sống của nhân dân.

Hà nội là thủ đô của cả nước, nằm trên bờ phải sông
Hồng, giữa đồng bằng Bắc bộ. Dân số có trên một triệu.
Hà nội trước kia, trong thời Pháp thuộc, nặng về buôn
bán, ăn chơi, nay đã trở thành một thành hồ sản xuất.
Ở đây có nhiều nhà máy lớn, nhiều cửa hàng to, nhiều
đường giao thông đi khắp mọi nơi trong nước. Ở đây
còn có những trường đại học, những cơ quan nghiên
cứu khoa học. Các cơ quan của Trung ương Đảng và
Chính phủ đều đóng ở Hà nội. Hà nội là trung tâm
chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước.

Thành phố Hồ Chí Minh vừa là hải cảng vừa là thành
phố lớn nhất nước ta, dân số khoảng 3 triệu. Ở đây
có nhiều bến tàu, nhà máy, cửa hàng...

Nước ta còn có các thành phố: Hải phòng, Nam định,
Thái nguyên, Việt trì, Vinh, Huế, Đà lạt, Đà nẵng v.v...

Chú thích :

- (1) *Mậu dịch quốc doanh* : cơ quan mua bán của Nhà nước.
- (2) *Nhiên liệu* : các chất đốt như dầu lửa, dầu xăng...
- (3) *Ngoại thương* : việc buôn bán với nước ngoài.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Hiện nay ngành thương nghiệp nước ta đã được tổ chức lại như thế nào?
2. Nước ta bán ra những gì, mua vào những gì?
3. Ở nước ta có những thành phố nào lớn? Thủ đô Hà nội quan trọng như thế nào về mặt kinh tế, chính trị và văn hóa?

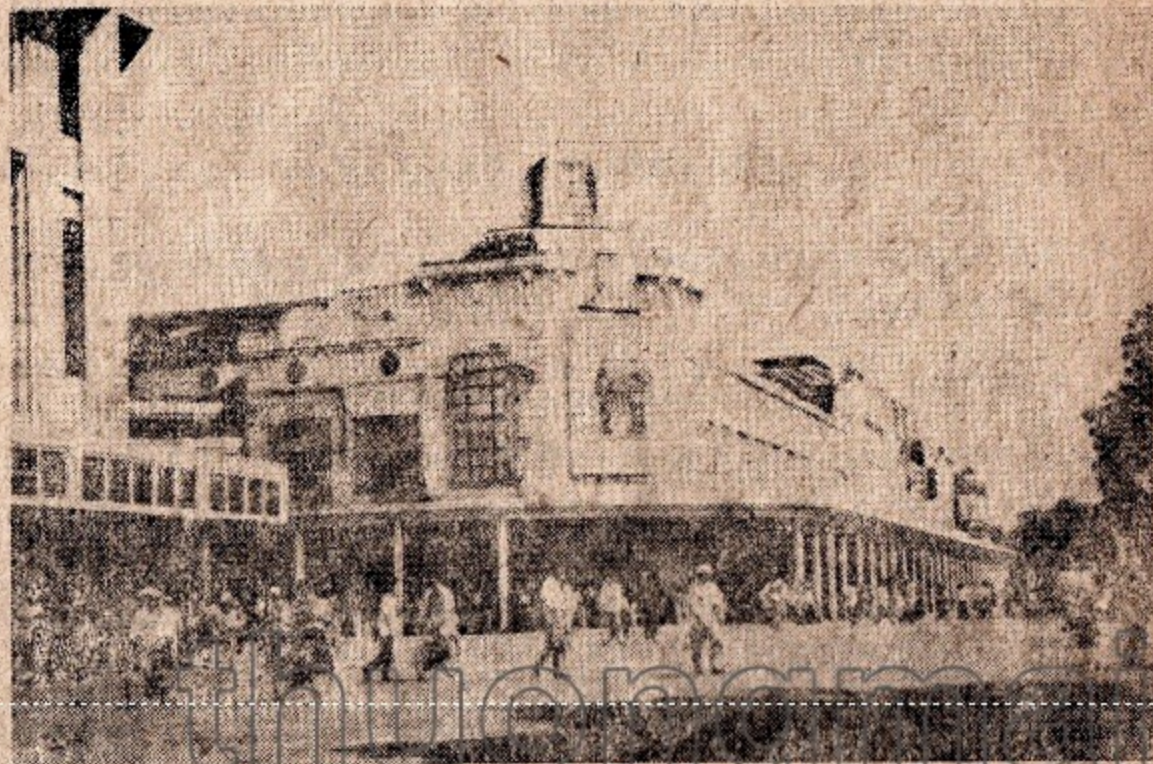
BÀI ĐỌC THÊM

CỬA HÀNG BÁCH HÓA TỔNG HỢP HÀ NỘI

Bước vào cửa hàng ta có cảm tưởng như đi giữa hai dãy phố. Hàng hóa có nhiều loại từ thứ rẻ tiền như cái kim, cuộn chỉ đến thứ đắt tiền như máy thu thanh, mô tô. Ban đêm cửa hàng sáng trưng, đèn gắn từng chùm trên trần, trong tủ kính.

Khu vực dưới nhà bày những mặt hàng thông dụng nhất như văn phòng phẩm, quần áo, tạp phẩm, dụng cụ gia đình, phụ tùng xe đạp và cả đồ chơi cho các khách hàng tí hon. Khi mỗi chân, khách có thể ngồi nghỉ trên những tấm ghế dài. Giữa phòng có một buồng máy điện thoại tự động, ai muốn gọi dây nói đi đâu thì cứ việc mở cửa vào. Ta đi tiếp lên gác.

Có tất cả bốn cầu thang dành cho khách lên xuống. Trên gác cũng có rất nhiều loại hàng: dụng cụ thể dục, thể thao, các thứ thuốc tây y, đông y, văn hóa phẩm và giày, dép, va li, len dạ, nhung, gấm v.v,...



Cửa hàng bách hóa tổng hợp Hà nội

Hàng hóa trong cửa hàng hầu hết là do ta sản xuất ra. Điều đó chứng tỏ sự lớn mạnh trông thấy của ngành công nghiệp và thương nghiệp xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

CHƯƠNG III

ĐỊA LÝ CÁC NƯỚC LÀO VÀ CAM-PU-CHIA

BÀI SỐ 1

NƯỚC LÀO

Lào là nước láng giềng phía tây của nước ta. Dãy Trường sơn là biên giới thiên nhiên giữa nước ta và nước Lào. Nước Lào còn tiếp giáp với Trung quốc, Miến điện, Thái lan và Cam-pu-chia. Nước Lào rộng 237 000km² và có khoảng ba triệu dân.

Địa thế Lào nói chung hiểm trở. Núi và cao nguyên chiếm tám phần mười diện tích cả nước. Miền Thượng Lào núi rừng trùng điệp. Ở đây có những cao nguyên lớn như Trấn ninh, Hứa phan với những đồng cỏ xanh tươi. Miền Hạ Lào có những cao nguyên thấp dần từ Bắc xuống Nam như Kham muôn, Bô-lô-ven. Sông Mê công từ Trung quốc chảy qua Lào theo hướng Bắc Nam, là đường giao thông chính trong nước. Dọc ven sông là những đồng bằng nhỏ nhưng khá phì nhiêu. Sông Mê công có nguồn thủy điện rất lớn, nhất là ở Pa-moong. .



Lào là một nước nông nghiệp, lúa là nông sản chính. Ngoài ra còn có ngô, bông, thuốc lá, cà phê, cây thuốc phiện. Trên các cao nguyên có nuôi nhiều trâu bò. Nghề đánh cá hoạt động mạnh trên sông Mê công. Rừng Lào nổi tiếng về nhiều thứ gỗ quý như mun, tếch. Công nghiệp của Lào chưa phát triển. Lào có nhiều khoáng sản như thiếc, sắt, vàng, kim cương, muối mỏ nhưng chưa được khai thác mấy.

Nước Lào có khoảng bốn mươi dân tộc, bộ tộc, đông nhất là dân tộc Lào, chiếm khoảng một nửa dân số. Thủ đô Lào là Viêng Chăn.

Trước kia nước Lào cũng bị thực dân Pháp cai trị như nước ta. Cùng một lúc với nhân dân ta và nhân dân Cam-pu-chia, nhân dân Lào, dưới sự lãnh đạo của Neo Lào Hắc xát (Mặt trận Lào yêu nước) đã kiên quyết đứng dậy kháng chiến chống thực dân Pháp và từ cuối năm 1954 trở đi đã anh dũng đấu tranh chống sự can thiệp, xâm lược của đế quốc Mỹ và liên tiếp giành thắng lợi to lớn.

Ngày nay, nhân dân Lào đã đuổi sạch bọn xâm lược Mỹ ra khỏi đất nước, đánh đổ nguy quyền và thành lập nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Chỉ vị trí nước Lào trên bản đồ và kể tên những nước tiếp giáp với nước Lào.
2. Địa thế nước Lào như thế nào? Kể và chỉ trên bản đồ những cao nguyên lớn của Lào.
3. Sông Mê công quan trọng như thế nào đối với nền kinh tế nước Lào?

4. Lào có những nông sản gì? Những lâm sản gì? Những khoáng sản gì?

5. Nhân dân ta và nhân dân Lào có mối quan hệ thân thiết với nhau như thế nào?

BÀI ĐỌC THÊM

ĐẤT NƯỚC TRIỆU VOI

Nước Lào xưa vốn tên là Lạng xang, có nghĩa là Triệu voi. Không rõ tại sao lại có tên ấy, chỉ biết ngày nay trên đất nước Lào có rất nhiều voi.

Rừng ở nước Lào mệnh mông, rậm rạp. Chẳng thiếu gì những thứ gỗ quý như gỗ mun, gỗ lim, gỗ trắc, gỗ gụ. Nhưng quý nhất và nhiều nhất là gỗ tẻch dùng để đóng tàu. Đó là kho của quý của nước Lào.

Rừng Lào còn có nhiều voi. Người ta thường thấy trên các quãng đường rừng những dấu chân voi. Chúng ta có thể bắt gặp từng đàn voi hàng chục con kéo đi, voi đứng đưa vạt vèo. Có chỗ ta lại gặp voi vùng vẫy giữa đám bùn lầy. Thỉnh thoảng voi lại lấy vòi hút nước rồi phun lên như những chiếc vòi rồng.

Voi đối với người Lào thân mật như con bò, con trâu đối với ta. Người ta săn bắt voi về nuôi. Voi rất ngoan ngoãn, giúp người mọi việc. Voi kéo gỗ, tải đồ, voi chở người, voi đưa gỗ tẻch từ rừng sâu ra tận bờ sông Mê công. Voi đưa hàng hóa từ các thành phố lớn về các xóm làng hẻo lánh. Nước Lào nhiều rừng núi, vận tải dùng voi thuận tiện không gì bằng. Hình ảnh con voi thật đã gắn liền với hình ảnh nước Lào lắm rừng, nhiều núi.

BÀI SỐ 2

NƯỚC CAM-PU-CHIA

Ở về phía tây nam nước ta có nước Cam-pu-chia. Cam-pu-chia tiếp giáp với nước Lào, nước Thái lan và vịnh Thái lan. Diện tích Cam-pu-chia rộng 181000km², dân số Cam-pu-chia có hơn bảy triệu người. Số đông dân Cam-pu-chia thuộc dân tộc Khơ-me. Thủ đô Cam-pu-chia là Nóng-pênh.



Địa thế Cam-pu-chia nhìn chung thì xung quanh là núi, ở giữa là một miền đất thấp. Miền đất thấp này hình lòng chảo do phù sa màu mỡ bồi đắp nên. Miền này ăn thông với đồng bằng Nam bộ nước ta. Phía bắc có rừng núi Đăng-rếch, phía tây và tây nam có dãy Đău khấu và núi Con voi, phía đông có những đồi thấp của dãy Trường sơn. Nơi thấp nhất của miền lòng chảo là một cái hồ lớn gọi là *Biển hồ* rộng trên 3000km², cá nhiều vô kể. Sông Mê công chảy qua Lào vào Cam-pu-chia rồi qua Nam bộ nước ta đổ ra biển. Đó là đường giao thông quan trọng giữa ba nước Lào, Cam-pu-chia, Việt nam.

Cam-pu-chia là một nước nông nghiệp, sản xuất nhiều lúa gạo. Ngoài ra còn có nhiều hạt tiêu, bông, cao su, thốt nốt (1). Rừng Cam-pu-chia có nhiều gỗ tốt: trắc, lim, gụ... Cam-pu-chia nuôi nhiều trâu bò. Nghề đánh cá phát triển mạnh ở ven biển, ở sông Mê công và nhất là ở *Biển hồ*, hàng năm đánh được trên mười vạn tấn cá.

Cam-pu-chia có một số khoáng sản như sắt, phốt phát, ngọc bích. Công nghiệp chưa phát triển mấy.

Nước Cam-pu-chia trước kia cũng bị thực dân Pháp cai trị. Cùng với nhân dân hai nước láng giềng Việt nam và Lào, nhân dân Cam-pu-chia đã đấu tranh giải phóng dân tộc và kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi. Sau đó chính phủ Cam-pu-chia vẫn kiên quyết đi theo con đường hòa bình trung lập, bất chấp mọi đe dọa của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Nhưng từ tháng 3 năm 1970, đế quốc Mỹ đã trắng trợn xâm lược Cam-pu-chia và dựng lên ở đây một chính quyền tay sai chống lại chính phủ hợp pháp của Vương quốc Cam-pu-chia. Nhân dân Cam-pu-chia đã đứng lên

đoàn kết với nhân dân Đông dương, anh dũng chống lại quân xâm lược và bè lũ tay sai, cuối cùng đã giải phóng được hoàn toàn đất nước.

Chú thích:

(1) *Thốt nốt*: một thứ cây như cây cọ có nước ngọt để làm đường.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Kể tên và chỉ trên bản đồ những nước tiếp giáp với Cam-pu-chia.
2. Địa hình Cam-pu-chia như thế nào? Gọi tên và chỉ trên bản đồ miền đất thấp và các miền núi xung quanh.
3. Cam-pu-chia có những tài nguyên, sản vật gì?
4. Giữa nhân dân ta và nhân dân Cam-pu-chia có những mối quan hệ như thế nào?

BÀI ĐỌC THÊM

BIỂN HỒ Ở CAM-PU-CHIA

Người ta gọi là *Biển hồ* vì hồ rộng mênh mông như biển. Hồ dài 160km, rộng độ 20km. Về mùa nước lớn, diện tích của hồ rộng trên 9000km².

Nước *Biển hồ* theo sông Tông-lê-sáp đến với sông Mê công. Về mùa cạn, nước *Biển hồ* chảy ra sông Mê công. Về mùa nước lớn, nước sông Mê công lại chảy vào hồ. Cá từ sông Mê công theo sông Tông-lê-sáp mà vào *Biển hồ*. Vì vậy *Biển hồ* là một kho cá khổng lồ. Người ta tính ra cứ một ki-lô-mét vuông trên hồ có đến tám tấn cá.

Mùa đánh cá ở Biển hồ tập nập nhất vào lúc nước hồ bắt đầu rút ra sông. Người dân chài ở đây có một cách đánh cá rất tài tình và thú vị. Họ chặt cây cùng với cành lá sum sê đem cắm xuống hồ như những cánh rừng thật. Rồi họ lấy dăng vây quanh khu rừng giả ấy. Cá đua nhau vào đấy trú nắng và kiếm mồi, quên cả việc nước đang rút dần. Khi nước đã rút xuống thấp, cá tìm cách chạy ra thì đã quá muộn: Dăng đã vây kín! nước cứ rút dần. Cho đến lúc mặt đất lộ ra thì cá chỉ đành nằm trơ trên mặt đất. Người ta chỉ việc nhặt từng đồng. Hằng năm người ta đánh được trên mười vạn tấn cá. Đó là một nguồn lợi lớn của Cam-pu-chia.

*Mình gửi và chúc các bạn nhỏ tâm
như đèn đêm vô cảnh trong lòng biển mênh
hải*

thuongmaitruongxua.vn

APSTAN

MỤC LỤC

	Trang
Chương I – TRÁI ĐẤT	
Bài số 1: Trái đất hình cầu – Ngày và đêm	3
Bài đọc thêm: « Nhưng dù sao Trái đất vẫn quay »	5
Bài số 2: Sự phân bố đất và nước trên mặt Trái đất	6
Bài đọc thêm: Châu thứ sáu : Châu Nam cực	8
Bài số 3: Bản đồ	9
Chương II – ĐỊA LÝ VIỆT NAM	
Bài số 1: Vị trí, giới hạn, hình dạng, diện tích	12
Bài đọc thêm: Bắc Nam như cội với cành	14
Bài số 2: Núi và cao nguyên	15
Bài đọc thêm: Đất nước Tây nguyên	17
Bài số 3: Đồng bằng	17
Bài đọc thêm: Đồng tháp mười	19
Bài số 4: Biển và bờ biển	20
Bài đọc thêm: Cảnh đẹp Hạ long	21
Bài số 5: Khí hậu	23
Bài đọc thêm: Nơi nghỉ mát Đà Lạt	24
Bài số 6: Sông ngòi	25
Bài đọc thêm: Sông Hồng	27
Bài số 7: Khoáng sản	29
Bài đọc thêm: Vùng mỏ giàu đẹp	30

Bài số 8: Rừng	32
Bài đọc thêm: Rừng Cúc phương	33
Bài số 9: Dân cư — Bản đồ hành chính	34
Bài đọc thêm: Việt bắc quê hương cách mạng	37
Bài số 10: Khả năng phát triển một nền kinh tế giàu mạnh	38
Bài đọc thêm: Nước ta biển bạc, rừng vàng	40
Bài số 11: Nông nghiệp	41
Bài đọc thêm: Nông trường Điện biên	43
Bài số 12: Công nghiệp	44
Bài đọc thêm: Khu gang thép Thái nguyên	46
Bài số 13: Đường giao thông	48
Bài đọc thêm: Cảng Hải phòng	49
Bài số 14: Thương nghiệp — Các thành phố lớn	51
Bài đọc thêm: Cửa hàng bách hóa tổng hợp Hà nội	53

Chương III — ĐỊA LÝ CÁC NƯỚC LÀO VÀ CAM-PU-CHIA

Bài số 1: Nước Lào	55
Bài đọc thêm: Đất nước Triệu voi	58
Bài số 2: Nước Cam-pu-chia	59
Bài đọc thêm: Biển hồ ở Cam-pu-chia	61

ĐỊA LÝ

Lớp Bốn

Trình bày bìa: TRỊNH THÁI

In 371.000 cuốn, khổ 13×19 tại Nhà máy in Diên Hồng
15, Hai Bà Trưng — Hà nội. Số in: 1129/T2. Số XB: 14-PT1
Xong ngày 20 tháng 4 năm 1977. Nộp lưu chiểu tháng 4 - 1977